Nguyễn Mạnh Côn – Đem tâm tình viết lịch sử

Tháng 4 năm 2024

Kỳ 8

Phần 6

Tôi hy vọng Trung đã thấy rõ sự chuyển hướng trong chính sách, trong chiến lược Cộng Sản thì đúng hơn. Chiến lược ấy, tọi đã nói với Trung có hai giai đoạn đã hoàn thành, với giai đoạn thứ ba đương ở trong thời kỳ xây dựng.

Hai giai đoạn đã hoàn thành giống nhau ở nhiều điểm: Vẫn quần chúng bị mê hoặc, bị huy động, bị nắm vững, bởi những người tiểu tư sản, những tay sai của một số lãnh tụ bôn-sơ-vích vẫn tưởng tượng mình chí anh dũng biến thân cho Độc lập và cho kháng chiến. Độc lập, trên lý thuyết đã thực hiện được ngày mồng hai tháng Chín, bảy năm

trước. Còn kháng chiến, lẽ ra giai đoạn này còn dài, vì chiến cuộc chưa kết thúc, nhưng bắt đầu từ năm ngoái, bọn lãnh tụ bôn-sơ-vích đã quyết định biến đổi cuộc chiến đấu tay đôi giữa tiểu tư sản với Pháp thành nhiều cuộc chiến đấu khác phức tạp hơn. Đó là, kể về tầm quan trọng, đối với lý thuyết chủ nghĩa của họ, các cuộc chiến đấu giữa người bôn-sơ-vích với người tiểu tư sản, giữa hai khối Cộng Sản và Dân chủ tư sản, sau nữa mới đến cuộc chiến đấu giữa người Việt và người Pháp.

Người Việt và người Pháp giết nhau ngoài mặt trận từ bảy, tám năm trời nay rồi. Số người chết và bị thương, nếu chưa tới, cũng gần tới trăm vạn. Cho nên, đối với toàn dân, cuộc chiến đấu chống Pháp cố nhiên phải được kể là quan trọng nhất, bởi nó liên hệ đến nhiều người và đem lại nền độc lập cho tổ quốc.

Sau đến cuộc chiến đấu giữa hai khối chính trị, người ta biết khối nào thắng sẽ làm chủ hoàn cầu, nhưng viễn tượng ấy còn xa xôi lắm! Sau nữa mới đến cuộc chiến đấu giữa bôn-sơ-vích và tiểu tư sản, thật ra không mấy ai đã biết là có, còn nói gì đến đánh giá cho được thật đúng, rằng bây giờ chính là lúc người bôn-sơ-vích quyết tâm tiêu diệt " ý thức" tiểu tư sản yếu đuối chia rẽ, lưng chừng, cầu an và cơ hội. Để chiếm lấy độc quyền kháng chiến, để, tùy ý muốn và tùy sự đòi hỏi của hoàn cảnh, có thể bất cứ lúc nào cũng biến đổi cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập thành một cuộc chiến đấu to tát giữa hai khối chính trị (cuộc chiến đấu, như thế, sẽ có hiệu quả là bắt nước Mỹ phải tham dự chống nhau với Trung hoa Cộng Sản, nghĩa là cầm chân Mỹ, dìm Mỹ xuống ngang hàng với Trung hoa Cộng Sản và mặc nhiên nâng Liên –Sô lên bậc lãnh tụ thế giới. Nhưng đây chỉ là một giả thuyết nặng về tính chất quốc tế, nó vượt ra ngoài phạm vi lịch sử Việt Nam, ra ngoài lãnh vực chủ quan của tâm sự của tôi đem giải tỏ với Trung)

Tôi muốn chứng minh rằng người bô-sơ-vích, từ năm ngoái, đã tự đặt cho họ một nhiệm vụ rõ rệt, nhiệm vụ nặng nề và to lớn nhất trong lịch sử Đảng của họ. Nhiệm vụ ấy là gạt hẳn người tiểu tư sản ra ngoài lề chiến cuộc, là tiêu diệt tiểu tư sản, là giáo dục (đào tạo) lấy một loại người mới thay cho loại người bị tiêu diệt, là nắm vững loại

người mới này để nhanh chóng hoàn thành Cách Mạng Vô Sản. mặc dầu sẽ có những biến cố có thể làm cho cục diện kháng chiến phải thay đổi bất lợi: Cách mạng phải thành công đã, còn kháng chiến có thể nhất thời thất bại, người bôn-sơ-vích không bao giờ lấy hai chữ Độc Lập làm quan hệ, ít ra là cho riêng họ!

Họ không thiết tha gì với một nền độc lập quốc gia, bởi ngay trong lý thuyết chủ nghĩa họ, độc lập chỉ là một hiện tượng rất tương đối. Họ vốn dĩ đã chấp nhận nền độc lập của một nước nhỏ nằm trong nền độc lập của một nước lớn hơn. Họ có thể vui sướng với nước Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp, hoặc giả chia với Pháp mỗi bên một nửa sơn hà. Miễn là họ thực hiện được Cách Mạng Vô sản thành công, nghĩa là đem chủ nghĩa bôn-sơ-vích thi hành triệt để trong một khoảnh đất, trên một số dân chúng. Một chiến sĩ Cách mạng bao giờ cũng tha thiết với sự thực hiện cụ thể được lý tưởng của mình. Hơn nữa, chiến thuật xây dựng căn cứ mạnh mẽ, làm xuất phát điểm cho chiến thuật "vết dầu loang", cũng là một lý do không kép phần hệ trọng trong sự quyết định về giai đoạn chiến lược thứ ba của người bô-sơ-vích.

Vậy thì, trong giai đoạn Ba của chiến lược, và để thực hiện Cách Mạng Vô Sản, người bôn-sơ-vích phải lấy sự tiêu diệt tiểu tư sản làm nhiệm vụ quan hệ nhất trong những nhiệm vụ của họ, bắt đầu từ năm ngoái.

Nhưng biết thế, Trung sẽ có một điều không hiểu, Trung sẽ thấy cần phải hỏi lại rằng vì sao, muốn thực hiện Cách mạng Vô sản, người bôn-sơ-vích phải tiêu diệt tiểu tư sản, để phải làm thêm một việc là giáo dục lấy một loại người mới thay thế Tiểu Tư Sản -loại người ấy là những ai, có gì khác người cũ và có ích lợi đặc biệt gì cho cách mạng?

Tôi trả lời Trung, điều thứ nhất: Mặc dầu các phần tử tiểu tư sản vẫn trung thành với kháng chiến tức là gián tiếp trung thành với lãnh tụ bolshevik, sự gạt hẳn những phần tử ấy ra ngoài lề cuộc kháng chiến có bốn lý do. Một là sau sáu năm ở cương vị lãnh tụ, nhờ sự dốc lòng ngay thẳng của cán bộ tiểu tư sản và nhờ một công cuộc tuyên truyền cực kỳ khôn khéo, các lãnh tụ bolshevik –Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ

Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, vvv… đã nhận thấy uy tín của họ đã đủ để cho họ có thể trực tiếp nắm vững được dân chúng mà không cần phải có công tác trung gian tiểu tư sản. Hai là từ 1950 Trung Hoa Cộng Sản đã tiến tới biên thùy Bắc Việt, lãnh tụ bolshevik không còn thấy cần dùng tiểu tư sản làm bình phong dân chủ cho một thứ chính quyền Cộng Sản. Ba là tính chất Cộng Sản của họ càng ngày càng rõ rệt, họ tất nhiên phải chờ đợi sự phản đối, hoặc công khai, hoặc ngấm ngầm, của cán bộ tiểu tư sản. Họ lại biết không hy vọng gì thuyết phục được cán bộ tiểu tư sản cho bọn này chịu " vô sản hóa ", nhất là đối với những thành phần trí thức vốn vẫn có một căn bản vững chắc về tình cảm và tư tưởng. Bốn là cán bộ tiểu tư sản càng đi sâu vào kháng chiến càng gây thêm uy tín trong dân chúng. Nếu bọn lãnh tụ còn để cho tình trạng ấy kéo dài, thì thế tất phải có những cán bộ, bằng công lao, bằng tài năng và đạo đức, sẽ vượt tới chỗ được dân chúng mặc nhiên suy tôn làm lãnh tụ. Sự tai hại lúc đó sẽ không nhỏ.

Nói tóm lại, lãnh tụ bolshevik phải gạt cán bộ tiểu tư sản ra ngoài lề cuộc kháng chiến và tiêu diệt họ, vì tiểu tư sản đã trở nên vô ích trong hai nhiệm vụ tay sai và bình phong. Tiểu tư sản mang sẵn tính chất chống vô sản hóa. Tiểu tư sản sẽ trở nên nguy hiểm.

Người bonshevik vốn đã hay dùng một phương pháp xảo quyệt nhằm làm cho tiểu tư sàn mất tự tin: Hằng ngày họ cho cán bộ tiểu tư sản học tập rằng "ý thức" tiểu tư sản bao giờ cũng đớn hèn, hoài nghi, chia rẽ…và cán bộ tiểu tư sản nếu đã chứng tỏ có nhiều đức tính: Quyết tâm, anh dũng, trung kiên… ấy là nhờ có sự học tập đạo đức bolshevik. Người bolshevik không ngớt lời thóa mạ tiểu tư sản. Nhưng đó chỉ là những điều gian dối : họ biết rằng trước khi có thứ chủ nghĩa bolshevik của họ, người tiểu tư sản đã nhiều lần gan dạ, bền bỉ, tài giỏi trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm khác. Họ biết thế cho nên họ đã trông thấy cả một đẳng cấp sĩ phu tiểu tư sản lãnh đạo dân chúng chống lại âm mưu thực hiện "Cách Mạng Vô Sản" của họ. Họ đành phải nhổ cỏ nhổ cả rễ, tiêu diệt toàn bộ cái ý thức tiểu tư sản mà thực ra họ gờm sợ hơn cả Đế Quốc (bởi tiểu tư sàn đã đông đúc thì chớ lại gần gũi họ khá lâu, đủ để

biết những nhược điểm của họ,để tấn công, cùng những ưu điểm của họ để học tập !).

Người bolshevik như vậy đã lâm vào thế cờ phải tiêu diệt ngay số cán bộ đã nắm vững được tình thế trong bảy năm. Cán bộ càng có công lớn càng nhiều bất mãn; cán bộ càng có uy tín càng nguy hiểm; bọn lãnh tụ bolshevik đã khởi đầu trận tấn công tiêu diệt của họ nhằm ngay vào những cán bộ, mới trước đây ít lâu được chính họ tặng cho danh hiệu quý giá: “Anh hùng dân tộc”.

Làm thế nào để tiêu diệt được những vị anh hùng của dân tộc? Ám sát, thủ tiêu bí mật hay giam vào ngục tối?

Lẽ cố nhiên không thể được. Người ta có thể ám sát được một vài người, thủ tiêu được dăm ba chục người trong bí mật hay đem đày năm bảy chục người vào ngục tối. Người ta không thể nhất đán thủ tiêu hay giam giữ tất cả những cán bộ “anh hùng dân tộc”, người ta phải sợ toàn dân công phẫn.

Người ta đã nghĩ, trong không biết bao nhiêu lâu rồi mới thi hành một thủ đoạn thực sự : “long trời, lở đất “(1). Người ta đã giết, giết công khai những anh hùng Sông Lô như Quảng, những bí mật mặt trận Khu như Nhiễu và giam cầm hàng vạn người như bạn Trung, giữa tiếng reo hò của dân chúng.

Giết chóc, giam giữ công khai những cán bộ có công kháng chiến mà dân chúng vui lòng ?- Không những vui lòng ? vì dân chúng vừa reo hò vừa giết, vừa xử những án khổ sai dài bằng cả một đời người !

(1): Chữ của Hồ chí Minh

Thân ái Trung,

Trung sẽ không bao giờ tưởng tượng được người bôn-sơ-vích làm thế nào để mượn tay dân chúng giải quyết mối tử thù chính trị. Trung, khó lòng theo kịp được ngay đến con đường lý luận, tổ chức của người bôn-sơ-vích, mượn tay dân chúng giết được hàng vạn người.

Họ viết:

- “Trong hàng ngũ Đảng, có những phần tử cực kỳ nguy hiểm, cực kỳ ngoan cố. Những phần tử ấy liên kết với thực dân, đế quốc và phong kiến. Những phần tử ấy lộn sòng vào Đảng, khôn ngoan mua chuộc và quỷ quyệt lừa dối nhân dân ta, bằng cách giả vờ nhiệt liệt tham gia kháng chiến. Bọn chúng thông đồng với quân địch, tạo ra những công lao bên ngoài, để ngụy trang ý định thao túng Đảng và khống chế nhân dân ta.

Nhưng bọn chúng không thể lọt qua con mắt sáng suốt của Đảng, cho nên Đảng phóng tay phát động phong trào quần chúng đấu tranh chính trị để giáo dục nhân dân ta tận lực tiêu diệt bọn chúng.

Bọn chúng là tay sai của thực dân, đế quốc. Bọn chúng là phong kiến phản động, là tư bản bọc lột, là cường hào ác bá, là Việt gian phản quốc. Bọn chúng ngoan cố, nham hiểm, hiện nay đương náu mình dưới những chiêu bài kháng chiến giành độc lập , với mục đích dắt nhân dân ta trở lại cho thực dân, đế quốc đàn áp và bóc lột một lần nữa.

Nhưng bọn chúng không lọt qua con mắt sáng suốt của Đảng. Cho nên ngày nay Đảng giáo dục nhân dân ta phương pháp để lột mặt nạ bọn phản bội ấy. Nhân dân ta, tin tưởng vào Đảng, nhất định tích cực đấu tranh chính trị để tiêu diệt bọn chúng đến cội rễ, để trong sạch hóa hàng ngũ Đảng và trong sạch hóa hàng ngũ nhân dân.

Bọn chúng đã cướp của giết người! Bọn chúng là kẻ thù của nhân dân.

Nhân dân ta bắt chúng nợ của phải trả của, nợ máu phải trả máu!”

Đó đại khái là lời của những người bôn-sơ-vích, giả làm của dân chúng, gửi cho dân chúng. Thoạt bề ngoài, Trung dễ nhầm lời hiệu triệu vu vơ này với những lời hiệu triệu khác, kêu gọi dân chúng phải đề cao cảnh giác và tích cực kháng chiến.

Nhưng bề trong thì khác. Khác bởi tổ chức. Tổ chức đến từng thôn xóm nhỏ, đến từng cơ quan, đơn vị nhỏ. Tổ chức phóng tay phát động phong trào quần chúng đấu tranh tô tức, đấu tranh chính trị, gọi tắt là “Đấu”.

“Đấu” có ba thời kỳ. Chuẩn bị, thực hiện và đặt lại cơ sở cho Cách Mạng (Vô Sản).

Chuẩn bị có hai đợt: Tìm kẻ thù cho nhân dân, giáo dục cho nhân dân biết căm giận kẻ thù ấy. Kẻ thù ấy đã là những cán bộ tiểu tư sản có công kháng chiến rồi, việc còn lại là làm thế nào cho dân chúng xưa nay tin tưởng ai, kính mến ai, thì bây giờ giở mặt nghi ngờ, ruồng bỏ, hành hạ, ô nhục người đó. Việc không phải dễ, lãnh tụ bôn-sơ-vích biết lắm. Nhưng có lẽ họ đã tìm thấy một thứ kết quả đúng tuyệt đối cho bài tính về tương lai, nên trái với chiến thuật khéo léo, nước đôi của họ xưa nay, lần này họ tỏ ra có thái độ quyết liệt, quyết thắng.

Trận tấn công của họ mở ra, công khai, vũ bão. Họ nâng trận tấn công ấy lên hàng chính sách. Chính sách ruộng đất.

Chính sách ruộng đất nhằm trả ruộng đất cho người cày. Định nghĩa nghe vừa hòa bình, vừa nhân đạo. Lại thêm là công lý nông dân hằng chờ đợi từ khi có thửa ruộng, con trâu và cái cày.

Nhưng chính sách ruộng đất mở màn cho cuộc cải cách ruộng đất. Cải cách ruộng đất, theo lý thuyết bôn-sơ-vích, là một cuộc Cách Mạng Nông Thôn. Cách mạng bôn-sơ-vích, theo định nghĩa bôn-sơ-vích, bao giờ cũng tàn bạo, càng tàn bạo càng thành công.

Cải cách ruộng đất, vì thế có một phần nhiệm vụ nhằm tiêu diệt một thành phần xã hội: địa chủ, phong kiến, cường hào. Gọi chung là giai cấp bóc lột. Bóc lột ai?- bóc lột bần cố nông. Bóc lột gì?- Bóc lột của cải và xương máu.

Vì thế trong cải cách ruộng đất có một phần đòi nợ của cải và đòi nợ máu cho bần, cố nông. Bần có nông là những ai?- Là những người có cày mà không có ruộng. Còn địa chủ?- Là những người có ruộng mà không có cày. Có ruộng mà không cày, thì phải trả ruộng cho người cày.

Nhưng trả ruộng không thôi không đủ. Phải trả nợ. Nợ tính ngược về quá khứ. Nợ tính vào đương sự, vào cả thân quyến đương sự, kể cả con nuôi, con dâu, con rể, người

làm công lâu ngày. Tất cả là địa chủ, tất cả phải trả nợ: tiền bạc, thóc lúa, nhà cửa, trâu bò, dụng cụ nông nghiệp. Và máu. Máu của những người chết vì bị bóc lột.

Trả ruộng cho người cày, nói tóm lại, là một cuộc cách mạng. Cách mạng tiêu diệt địa chủ. Địa chủ không được đầu hàng. Địa chủ nhất định phải " được" tiêu diệt. Cách mạng phải có máu mới thật là cách mạng vô sản, mác-xít.

Trung vẫn chưa hiểu được sự liên lạc giữa cách mạng nông thôn, nhằm tiêu diệt địa chủ, với cán bộ tiểu tư sản trong hàng ngũ kháng chiến.

Nhưng thật ra con đường không có gì quanh co lắm. Bởi muốn bị đấu, chỉ cần phải có ruộng đất, không kể nhiều ít, miễn là có ruộng, mà chính mình không cầm đến cái cày. Muốn bị đấu lại không cần phải chính mình có ruộng đất, vì cha mẹ, anh em, vợ chồng mình có ruộng cũng đủ. Hoặc giả, chính mình hưởng thụ, có ăn gạo, là sản phẩm của ruộng đất.

Bởi thế, trừ những đồng báo suốt đời theo trâu, suốt đời không làm gì khác cày ruộng, còn lại bất cứ ai cũng có thể bị chỉ mặt gọi là địa chủ.

Địa chủ, một Trịnh Xuân Nghĩa hay một Trần Trinh Trạch với hàng vạn mẫu đồn điền. Địa chủ, một ông Cai tổng hay một ông Nghị xứ quê, với hàng trăm mẫu thượng đẳng điền. Đã đành là như thế.

Nhưng địa chủ cả đàn con, đàn cháu họ Trịnh, họ Trần. Địa chủ, những kỹ sư, bác vật được nuôi ăn đi học bằng tiền bạc của cha mẹ. Địa chủ, bà cụ Cử Vân xa, chỉ có tám sào ruộng để tần tảo nuôi con cho nên người. Địa chủ: Quảng!

Quảng là địa chủ, mặc dầu Quảng suốt đời không được trực tiếp giao dịch với bạn điền cấy rẽ của bà cụ Cử tám sào ruộng? – Phải, Quảng là địa chủ, bởi Quảng có hưởng thụ những sản phẩm do bà cụ Cử bóc lột bạn điền mà có. Còn bà cụ Cử, địa chủ bởi có ruộng mà không cày. Mặc kệ, nếu hàng ngày bà chỉ biết có tụng kinh niệm Phật và giúp đỡ mọi người.

Vấn đề đặt ra là có hay không có ruộng, có hay không có lao động, có hay không có hưởng thụ. Trong ba điểm, điểm hưởng thụ coi là hệ trọng nhất. Bởi thế, nên mới có sự lạ lùng , là những nhà cự phú, có rất nhiều ruộng , lại dùng tiền bán thóc ở ruộng đi lập một xí nghiệp, nên có thể nói là hưởng thụ ở ruộng đất cũng được, mà ở xí nghiệp cũng được: những người này chưa hẳn là địa chủ, không bị đấu.

Nhưng không có gì lạ, vì họ là đại tư bản. Đại tư bản không có tên trong danh sách của những kẻ bị tiêu diệt. Chỉ bị tiêu diệt những tiểu tư sản!

Tiểu tư sản bị tiêu diệt trong tiếng reo kinh khủng của "nhân dân". Nhân dân mê loạn trong những cơn phản ứng theo điều kiện, đã vì những người bô-sơ-vích mà giết bỏ không biết bao nhiêu anh hùng tiểu tư sản có công với kháng chiến, có công với tổ quốc.

- Bởi họ là anh hùng của dân tộc, nhưng họ là kẻ thù của nhân dân, những người tiểu tư sản bóc lột! Người bôn-sơ-vích bảo thế.

Bóc lột là tội nặng nhất có thể có trong lịch sử. Bị bóc lột, cả một nhân loại đã nghèo đói. Bị bóc lột cả một dân tộc đã yếu hèn. Bị bóc lột, hai triệu người Việt Nam đã chết đói. Đó là lý luận bôn-sơ-vích.

Lý luận được tiếp ứng bằng quân đội, bằng những đơn vị đã hoàn toàn trong sạch của Đảng. Quân đội đưa cán bộ phát động (đấu tranh chính trị, tô tức) về làng, cán bộ nắm lấy quyền chính. Cán bộ chỉ định những "địa chủ" đáng ra đem đấu. Cán bộ lựa chọn phần tử "trung kiên" trong bần cố nông, để dạy sẵn những lời tố khổ. Rồi ở công trường Đấu, một người lên tố khổ, rồi hai người, ba người… một người bịa đặt, rồi hai người, ba người… một người đánh đập bị can để thỏa những uất hận mới có từ chiều hôm trước, rồi hai người, ba người… Một cơn gió mê cuồng thổi giữa những người dân lành…

Và những người bôn-sơ-vích đã thàng công trong một nhiệm vụ lý thuyết, là tiêu diệt xong những chướng ngại tiểu tư sản, trên con đường tiến tới của Cách mạng Marx-Lenine-Staline-Mao Trạch Đông!

Nhiệm vụ lý thuyết thứ hai của họ là giáo dục bẩn, cố nông thành Giai cấp, dùng Giai cấp làm cơ sở để thực hiện thàng công cuộc cách mạng Bôn-sơ-vích.

Thân ái trung,

Tôi hận rằng đã sớm bị gọi đến tên, và đã vội lên đường đào tẩu. Nên câu chuyện tâm tình của người bạn kháng chiến của Trung có đến đây là hết.

Trung hãy tin rằng tôi quả thật hơi ngại ngùng vì đã viết cho Trung, trong đoạn sau, quá nhiều lý luận. Tôi đã nghĩ nhiều, và tôi chân thành tin rằng điều đó không thể tránh được.

Tôi đã nói với Trung một lần, rằng trong tâm tình của mỗi đứa chúng ta phải có chứa đựng một phần nào những dữ kiện sẽ làm nên lịch sử. Cho nên tôi không thể nào không giãi bày với bạn những ý nghĩ đã dày vò tôi, cùng những ánh sáng tôi đã tìm thấy , trong một khoảng thời gian của một cuộc đời không thiếu gì hy sinh và đau khổ nhưng cũng không thiếu cả những phút say sưa, mãnh liệt.

Tôi đã để lại một phần của đời tôi trong kháng chiến. Kháng chiến, đối với tôi, không còn là những sự việc liên tiếp đến, liên tiếp đi, và đi là biến mất trong tâm hồn. Kháng chiến, trong tôi, đã trở nên một sự thật vĩnh viễn, một thứ kết tinh thể chất ở đâu đó trong tim, óc.

Kháng chiến, đối với bất cứ ai đã ra đi đêm 19 tháng Chạp, dù để tác chiến hay chỉ để tản cư di cư, cũng vẫn là những ngày gian khổ chịu đựng. Gian khổ trong những cánh rừng già đầy vắt xanh, vắt đỏ. Gian khổ ở giữa những cánh đồng bát ngát Liên khu Ba. Người ra đi, đi đến đâu cũng gặp những nấm mộ không có chân hương cắm trên đất mới, và những mái đầu tóc tơ của những em bé nhỏ đã vội quấn ngang vành khăn sô thảm thiết.Giọt khăn trắng, trên nền xanh của cây rừng, của đồng lúa, là một chứng cớ

không thể chối cãi rằng, để giành lại quyền sống độc lập và tự do, bao nhiêu người đã ra đi không trở lại. Ra đi tay không mà tiểu tư sản. Với một tấm lòng.

Một tấm lòng, năm, bảy năm kháng chiến. Một đoạn đời trái với nếp sống bình thường. Kẻ gian dối, người thật thà, kẻ ru rú nơi xó rừng để đào khoai bới sắn, người phiêu lưu đưa hàng lậu giữa hai vùng chiến trận, mỗi người cố tìm lấy một nguồn sống tạm bợ. Vì ai nấy đinh ninh có lúc trở về, khi các đô thị đã vắng hẳn bóng đoàn quân xâm lược. Một ngày gần. Ngày đó chưa đến kịp.

Thì kháng chiến không còn là kháng chiến nữa. Cuộc tương tàn trong nội bộ đã bắt đầu, khiến người Pháp (sau này tôi mới biết) cũng ngỡ ngàng không hiểu. Mà ai làm sao hiểu được thiên thảm sử viết bằng tim và óc của những người như Quảng, ngoài những kẻ, như tôi, phải được hiểu bằng cả một tâm hồn tan vỡ.

Cuộc đời của chúng tôi lẽ ra giản dị biết bao. Vì theo kháng chiến, chúng tôi đã thuận cho hết thảy. Cho đến cả tính mệnh, để cố giữ lấy một vật không cho được, là tâm hồn. Tâm hồn tôi không bao giờ xúc phạm đến tâm hồn của bất cứ ai khác. Nên người ta có thể dùng chúng tôi trong đoàn quân kháng chiến, mãi đến khi chúng tôi tử trận hay cùng với đoàn quân kia toàn thắng. Tử trận thì một hố đất nông sâu không kỳ quản, và một lời phân ưu có đâu thiệt thòi gì cho Giai cấp. Còn thắng hoặc thành công, chúng tôi có đòi gì hơn được sống làm công dân nước Việt Nam độc lập? (42)

Có thế thôi, mà không được. Người bôn-sơ-vích muốn chúng tôi là hạt bụi, chúng tôi đã là hạt bụi. Những hạt bụi thoi thóp tình cảm. Người bôn-sơ-vích bảo hạt bụi không được có tình cảm, bèn rửa sạch những hạt bụi trong guồng máy. Và thế là xong việc, theo ý họ.

Nhưng có xong việc thật không? Chúng tôi có thật là những hạt bụi không tình cảm không, như ý họ?- Tôi không tin như thế, mặc dầu chỉ vì thế mà cuộc đời tôi phải giập gãy, tan nát. Tôi bây giờ yếu mỏi, bệnh tật và cả động một ngón tay cũng đau thắt lại trong lòng. Bởi con đường của đời tôi đến chỗ này là ngõ cụt: bên này sông là Giai

cấp không buông tha, bên kia sông là đồn quân của địch. Tôi phải đi về đâu để được sống?

- Về đâu tiểu tư sản? Những người không bao giờ muốn nghĩ về chính trị, đã phải nghĩ trong một thời kỳ lịch sử. Phải nghĩ, vì có kẻ đột nhiên bảo tiểu tư sản không có lẽ sống, không được sống. Làm như sống là độc quyền của một chủ nghĩa. Bôn-sơ-vích! Họ là gì? Là những người đã tìm ra lẽ sống, hay những kẻ phản bội lẽ sống, đem lẽ sống nhốt vào trong công thức chính trị?

Bôn-sơ-vích! Họ là gì, hay là những kẻ nắm trong tay một sức mạnh kinh khủng, vì mù quáng? Sức mạnh Bôn-sơ-vích, có mấy năm, đã tràn lan khắp cả. Sức mạnh ấy còn đương tiến tới, và tuyên bố sẽ chiếm trọn cả cuộc đời, cuộc đời chỉ có ăn, ngủ và truyền tiếp dòng dõi.

Cuộc đời, cuộc đời thiêng liêng của người tiểu tư sản! Nhưng lấy gì mà giữ, hay vẫn chỉ có tâm hồn, nói rằng cao quý, nhưng chắc đâu chống lại được sức mạnh mù quáng kia trong một trận tranh đấu cuối cùng?

Bao giờ đến, trận tranh đấu cuối cùng? Tôi không biết, cả những người bôn-sơ-vích cũng không thể biết. Nhưng biết làm gì, nếu chúng ta, tiểu tư sản, không tìm thấy lẽ sống. Không có lẽ sống, tâm hồn dù cho nhiều đến mực nào đi nữa cũng chỉ là lừng chừng, cầu an, cơ hội, với những thời kỳ bất chợt và ngắn ngủi vùng lên được, chỉ huy vật chất, chiến thắng được thù nghịch ở ngoài vào, trong những trận gaio tranh có hạn. Có thế thôi.

Còn ngày nay, người bôn-sơ-vích ép chúng ta phải chiến đấu, không kể thời gian, không gian nào hết. Người bôn-sơ-vích không ở ngoài vào, để cho ta chỉ căm phẫn cũng đủ tạo thành một lực lượng. Họ trái lại, thu hút được sức mạnh cuồng bạo ngay trong những tâm hồn đi tìm lẽ sống. Họ mê hoặc những tâm hồn ấy, tách rời những tâm hồn ấy ra khỏi thể chất, rồi dùng thể chất vô tri làm sức mạnh.

Chao ôi, Trung? Từ mười đêm nay, tôi không sao rứt ra khỏi một ám ảnh. Đó là một cuộc giết chóc, giữa một bên vô tình và một bên chìm ngập trong đau xót. Đau xót cho mình, cho loài người, đau xót còn hơn nữa cho những "dụng cụ người" của địch, đã mất đến cả khả năng thương tiếc ngay lấy bản thân!

Cuộc chiến đấu kinh hoàng giữa người với người mà là đồ vật? Trung, Trung ơi! Chúng ta phải làm gì đây, để tránh cho kiếp người, cho giống người khỏi trải qua lớp biến thể cuối cùng này?!

Phú Thọ, Vũ lao,

Ngày 30 tháng 12, viết hết

Hải Phòng ngày 19 tháng 7 năm 1954

Thân ái Trung,

Thấm thoát đã qua ngót hai năm, kể từ ngày tôi gửi những bức thư trước cho Trung. Thư gửi ở Hà Nội, tôi ở Hà Nội, ở Vĩnh Yên, rồi xuống Hải Phòng. Tôi có nhận được thư Trung, nhiều lần an ủi, nâng đỡ và thử tìm một giải pháp cho vấn đề đặt ra bởi những người bôn-sơ-vích.

Hai năm, hơn mười lá thư của Trung. Tôi không lần nào trả lời, không phải vì "phù hoa đã đổi lòng người chiến đấu", cũng không phải vì đã bắt chướt một Trang tử khinh chuyện đời giả dối. Hơn hai năm, tôi dùng trước hết để kiếm sống một cách vất vả, còn những phút họa hoằn nhàn rỗi lại đọc lại thư Trung, hoặc tự mình tìm lấy ý nghĩa cho cuộc đời mình sống.

Sự đào xới, càng sâu mãi vào trong lòng, càng chứng tỏ rõ rệt tâm hồn tôi, nếu đứng một mình, không thể nào làm ra một thứ gương soi cho thấy được bản thể. Tâm hồn tôi đã dành là một cái gì trọn vẹn tự nó có khả năng độc lập sinh hoạt. Nhưng gần đây, kể từ ngày cuộc sống chung của dân tộc dâng lên, bừng bừng một sự tranh đấu mãnh liệt, thì tâm hồn tôi đã chìm lẫn với biết bao nhiêu tâm hồn khác, phối hợp với nhau, hòa vào nhau, mà tạo nên một thứ tâm hồn to lớn, cho cả một xã hội, cả một con số

mấy chục triệu người. Từ lúc ấy, tôi linh cảm rằng không bao giờ tôi còn tìm thấy tâm hồn tôi riêng rẽ trên con đường lịch sử.

Tôi không thể cứ đào sâu vào lòng mình mà biết được mình. Sự sống riêng rẽ vốn, tự bao giờ, không thể có về vật chất. Bây giờ đến sự sống rung cảm , có những sự phân chia từng nắm, từng mớ, từng giai cấp. Rung cảm bị sắp xếp vào hàng ngũ. Tôi nghĩ rằng mình muốn hiểu mình, có lẽ cần phải tìm hiểu trogn một thứ linh hồn giai cấp.

Nhưng tôi phải trả lời Trung trước đã. Về những điều tôi viết cho Trung còn dang dở về hai chữ giai cấp.

Giai cấp-lẽ dĩ nhiên vô sản- sẽ là cơ sở, là tiền phong cho cách mạng bôn-sơ-vích. Vô sản, như đã trình bày, về cả vật chất lẫn tinh thần. Trung lấy chữ "vô sản tinh thần" làm lạ, đã hỏi tôi: " Làm thế nào có vô sản tinh thần cho loại người mới sẽ thay thế tiểu tư sản làm cơ sở cho Cách mạng, loại người ấy là những ai, và có vô sản tinh thần rồi thì lợi ích gì đặc biệt cho Cách mạng?"

Nếu tôi nhớ không lầm, đây chính là một điểm thiếu sót trong bức thư tôi gửi Trung kỳ trước. Sự thiếu sót cố ý, vì tôi đã kịp thấy lý luận nhiều quá, không những mệt cho Trung, mà còn làm cho bức thư trở nên thiếu chân thực, vì có một vẻ tuyên truyền không nên có giữa bạn bè, dù chỉ là vô tình . Tôi không muốn Trung hiểu nhầm tôi, cho rằng vì cá nhân bị hắt hủi, nên oán thù và thiên vị, tôi đã vu cho Việt Minh những ý định họ không có.

Tôi chờ đợi cho qua hẳn một thời kỳ chiến lược. Lúc đó bằng chứng cụ thể không thiếu, sẽ cho phép tôi viết một bức thư dài khác, nói với Trung rất nhiều về kỹ thuật " Cưỡng hiếp tâm lý", đem áp dụng vào công cuộc giáo dục một cơ sở vô sản tuyệt đối cho cách mạng bôn-sơ-vích. Trung chắc chắn đã đọc quyển: " LE VIOL DE LA FOULE PAR LA PROPAGADE POLITIQUE" của Tchakhotine, đã biết rõ phương pháp dùng lời nói và hình ảnh dưới mọi hình thức và nhắc đi nhắc lại mỗi giờ, mỗi phút để tràn ngập tâm hồn con người, đuổi hết mọi ý nghĩ ra khỏi nơi đó, để thay thế bằng những ý nghĩ đã định sẵn từ trước. Trung ở bên ấy, hẳn còn biết hơn tôi về khẩu hiệu: "

DEUTCHLAND UBER ALLES!", dán trên mọi góc tường, chiếu trên tất cả các màn ảnh, hô luôn miệng ngoài đường lộ và trên luồng sóng phát thanh Đức, thậm chí len lỏi dần dần theo con đường trực giác, cái tư tưởng " Nước Đức trên Đồng minh" này có thể trở nên một thứ nguồn sống cho những người Đức hoài nghi nhất. Trung đã biết thế, vậy chỉ cần biết thêm rằng ở đây người ta cũng nhắc đi nhắc lại, từ trong phút tâm tình, giờ kiếm tháo, đến buổi hội họp hàng ngàn người ngoài trời, những khẩu hiệu nhằm đóng danh vào tâm khảm đối tượng một lòng Tin vào sự sáng suốt và tình thương yêu của Đảng.

Đảng được lòng tin, tin u mê và say sưa, cũng vẫn chỉ giáo dục đối tượng với những lời đã ca: của cải riêng tư là hệ lụy của đời người, biên giới quốc gia là biên giới của những dư đồ thống trị, tình chồng vợ hay cha con nhằm áp bức và bóc lột sức lao động của người yếu thế, cho đến luân lý hay tôn giáo cũng chỉ cốt giữ vững một trật tự xã hội có lợi cho phong kiến…. Lời đã cũ, nhưng lần này giáo dục không còn là dạy cho biết, mà dạy cho thành tâm tính con người. Vì thế có chữ mới: " vô sản tính". Vô sản tính cộng thêm tính tự vệ và căn thù tư bản, quyết tâm đấu tranh tiêu diệt tư bản, sẽ có một tên mới nữa: "giai cấp tính".

Giai cấp tính, lẽ cố nhiên, có thể được đem giáo dục cho cán bộ tiểu tư sản đã đầu hàng. Nhưng không dễ, vì sao Trung đã biết. Thành thử chỉ còn có những đồng bào công nhân, công nhân thành thị, công nhân thôn quê. Nhất là đồng bào nông dân, bao nhiêu chất phát là bấy nhiêu dễ dàng cho giáo dục. Giáo dục ngày nào hoàn thành, ngày ấy Cách mạng có một cơ sở chiến đấu, gồm những thể xác vô tri của những người, người mà là đồ vật.

Tôi nhớ đây chính là ý nghĩ làm sao cho tôi kinh hoảng, trong khi tôi viết thư cho Trung, lần trước. Lúc đó tôi còn ở Vũ lao, ngày nằm trong buồng chị Nhiễu, nín thở. Đêm đến, chừng nào trăng đã lặn, con đường đồi quanh co lên Quảng nạp đã vắng hẳn bóng người, thì chị Nhiễu với tôi lại ra ngồi ngoài hiên. Tôi kể chuyện Quảng. Chị nhắc lại những ngày trước khi bị đấu, người chồng yêu kính của chị, biết mình đã bị bao vây và

tất phải chết, nên ngày lại ngày mong mỏi hay người bạn thân về qua, để trối lại một lời phó thác ba đứa con còn dại. Hai người bạn thân ấy, một là tôi, hai là Quảng.

Quảng đã mất, Nhiễu đã mất, cùng đau đớn như nhau, cùng vì một lẽ không muốn cho những giọt máu của họ phải ở lại với Việt Minh, chịu cho Việt Minh nuôi dưỡng và giáo dục. Hai người xa nhau từ lâu nhưng chắc hẳn đã chung nhau một ý nghĩ. Duy Nhiễu còn dặn được vợ, có gặp bạn hay không, trong thời hạn qua giỗ đầu mình một tháng, tất phải đưa con về Hà Nội.

Chị Nhiễu với tôi, Trung thừa biết, dù cho chẳng có lời ủy thác, cũng nhất định phải đưa lũ trẻ về Thành. Chính cũng vì thế mà tôi nán lại bên phần mộ Nhiễu, để nhờ người vợ góa của anh thuê một bạn điền cũ ở Khải Xuân bắt liên lạc với gia đình Quảng. Người bạn điền ra đi, tôi nhìn theo bước chân hắn, mười phần chắc chín hắn phóng thẳng đến ủy ban báo cáo. Tôi đã mất hết lòng tin ở người nông dân, giữa khi công việc Tố, Đấu của Chính sách Cải cách ruộng đất được phát huy cực độ.

Nhưng thật may cho chúng tôi là ở đời vẫn còn có những người chung thủy. anh Chắt Hoe, đêm đi ngày ở, vừa làm thuê lấy ăn, vừa lân la hơn một tháng giời trong vùng Phố Én, Phi đinh, rồi Ẩm thượng, Ẩm hạ, mãi đến Đan Thượng thuộc Yên Bái, mới biết đích xác tin tức. Gia đình Quảng được một cán bộ đại đội đào ngũ đến báo tin, đã cùng với anh đó men bờ sông Thao xuôi Hà Nội cuối tháng trước. Anh Chắt Hoe về đến nhà, bộ quần áo mang trên lưng rách như xơ mướp. Anh đương lên cơn sốt rét, bàn tay run lẩy bẩy cố lần cổ áo, móc ra trả chị Nhiễu một mẫu trong chiếc kháng vàng chị còn dấu được cho lũ trẻ.

Tôi đứng trông cái cảnh người bạn điền nghèo khổ, suốt đời không có đến hy vọng sắm vàng, mà đưa trả lại cho chủ cũ mảnh kim khí kia-chính là tiền ăn đường và tiền thuê anh đi khó nhọc-, tự nhiên tôi thấy mình có tội với anh, với tất cả những đồng bào thành tín nơi thôn dã. Tôi lại trở lại tin tưởng lòng tin mong manh này là nguồn an ủi cuối cùng của chúng tôi, trên khu vực trước kia chúng tôi đã gửi vào một lòng tin biết

bao nhiêu sắt đá. Khu vực kháng chiến. Chúng tôi không ở lại được, bởi một quá khứ sầu thảm, bởi một tương lai gian nguy không tha thứ.

Chúng tôi qua sông ngay đêm anh Choắt Hoe về đến nhà. Sự đứng lên thật gọn gẽ , ngoài hai nấm mồ để lại, chúng tôi ra đi mỗi người có hành lý là một cái túi nhỏ đựng hai bát gạo rang, so với ngày tản cư có phần còn nghèo hơn nữa. Anh Choắt Hoe thấy tình cảnh chúng tôi cơ cực quá, cầm lòng không đậu, bỏ chạy vội về nhà lấy dúi vào tay chị Nhiễu mấy tờ giấy bạc còn nguyên nếp. Anh lại đưa cho tôi mươi quả quít hôi, một vốc muối. Tự nguyện đưa chúng tôi lần đường mòn ra một xóm vắng bên sông, anh để chúng tôi ở xa, một mình lội xuống nước, men đến bến trộm thuyền chở cả bọn trót lọt sang Cẩm Khê.

Rồi anh trở lại. Chúng tôi chào và cám ơn anh. Anh đứng lặng một chốc, đoạn ôm chầm lấy thằng cháu Chân phương òa lên khóc. Anh đã nhiều tuổi, tiếng anh khóc là một cái gì rạn vỡ, là một cái gì cực kỳ thê thảm. Nhưng lạ thay, cũng là một cái gì cởi mở, một cái gì hàn gắn tương lai vào quá khứ, trong những cuộc đời đã bị vò xé tan tành.

Sau cùng anh Chắt Hoe nuốt nước mắt, chắp tay vái chị Nhiễu:

- Mợ cho các anh bé, chị bé xuôi bình yên. Phần mộ cậu đã có con…

Nói dứt lời, anh quay mình chạy xuống thuyền, đẩy một sào thật mạnh. Thuyền đã ra đến giữa sông, chúng tôi cũng đã vào đến ven rừng, duy tôi nghe tiếng lá cây xào xạc vẫn tưởng như còn nghe thấy, lẫn với tiếng gió heo may vi vút, tiếng khóc kỳ lạ, đột ngột của người bạn điền đã quá bốn mươi tuổi.

Tôi cho là không cần phải hỏi cũng biết chắc anh Nhiễu, hay chị Nhiễu, thế nào cũng có lần, đối với anh Chắt Hoe, có một thứ ân cứu tử. Nhưng không phải. Anh Nhiễu mới lên ở trên đồn điền có dăm năm nay, còn trước kia vẫn giao công việc thu, phát cho quản lý. Anh Chắt Hoe chỉ thương chúng tôi là những con người cơ khổ, oan ức, những đứa con côi, người đàn bà góa trẻ, anh “bộ đội” yếu đuối, bệnh nạn, trốn tránh.

Lòng thương người hồn nhiên, sự hy sinh giản dị của anh Chắt Hoe đã thổi cho lại cháy trong tim, trong óc tôi ngọn lửa của hy vọng. Ngọn lửa nó giúp cho tôi sức chịu đựng gian khổ và tinh thần lo toan sáng suốt trên con đường đưa vợ, con Nhiễu về Nghĩa lộ.

Nghĩa lộ tuy là cả một vùng rộng lớn do quân đội Pháp chiếm đóng, nhưng bên ngoài Nghĩa lộ vẫn có cả một hàng rào quân kháng chiến. Tôi nói: một hàng rào quân kháng chiến, vì tôi không thể đành lòng gọi những người bạn đồng ngũ của tôi mấy bữa trước là Cộng Sản, là Bôn-sơ-vích. Mặc dầu, vào lúc đó, họ chắc chắn đã nhận được lệnh truy nã một tên cán bộ đào ngũ, phản động. Mặc dầu họ gặp tôi nhất định sẽ bắt , hoặc nếu chạy thì bắn. Họ không thể biết. Họ có lẽ cũng đã có một vài cấp chỉ huy đã bị đấu, một vài cấp chỉ huy đã đào ngũ trong trường hợp của tôi. Nhưng họ ở đơn vị khác, họ bị bưng bít về tin tức ở những đơn vị bạn. Họ lại ở mặt trận. Đối với họ, tôi chỉ là một cấp bộ hèn mạt đã đào ngũ, bây giờ lại định len lỏi về theo Pháp. Đối với chị Nhiễu, với lũ nhỏ, họ cũng không thương tiếc gì hơn, bởi về với Pháp bao giờ cũng là phản bội

Con đường đi Nghĩa lộ, tôi tuy đã thuộc gần hết các lối mòn mà vẫn không ngớt phập phồng lo sợ.Nông nỗi hiểm nghèo là quân kháng chiến hàng ngày di động, chúng tôi có thể bị họ bắt gặp ngay giữa đường. Sau đến vị trí của Pháp không biết đích, cùng sự vơ vẩn vào các bản tìm tiếp tế, có thể gặp ban Tề, nhưng cũng có thể gặp ủy ban cứu quốc.

Đau khổ hơn nữa là sự có mặt của ba đứa trẻ. Đứa lớn, con Dao Chi, lên 7 tuổi tuy chưa đủ 6 năm, ngày hôm đầu còn đi được một mình, nhưng từ hôm sau vừa mỏi vừa bị vắt cắn, gai đâm và vấp ngã sái chân, cả ngày chỉ đi được chừng năm cây số. Đứa thứ hai lên 5, thằng Chân Phương, phải dắt tay mới được quãng đi, quãng nghĩ. Còn chị Nhiễu với tôi chuyền tay nhau bế em Thục Nguyên của chúng, 3 tuổi. Chị Nhiễu tuy mấy năm nay đã quen lam lũ, nhưng vốn mảnh người, yếu sức, nên sang ngày thứ ba, những lúc phải bế con nặng, chị không kêu mỏi mà giữa mùa rét, lại đi trong khe rừng

gió hút, tôi thấy chị đổ mồ hôi có giọt, trong khi da mặt chị biến sang màu xanh nhợt nhạt.

Tôi biết sự cố gắng của chị Nhiễu. Chị có thể gục ngã trong xó rừng âm u này, nhưng con chị… Chị phải cố. Nhưng tôi biết sức người có hạn. Đành hôm sau phải bỏ nửa ngày cắt dây nâu tết quang gánh, gánh hai đứa nhỏ đi lên trước một đỗi đường rồi tìm chỗ kín đáo treo cả quang lẫn cháu lên cành cây, còn mình trở lại cõng con cháu Dao Chi và dắt, và đỡ chị Nhiễu bước lên.

Chúng tôi lần bước như thế tám ngày, ngày đi liều, đêm ngủ trên võng bằng những dây leo buộc túm lại. Tám ngày không gặp một đội viên kháng chiến nào. Tám đêm không bị rắn, rết, chỉ bị muỗi đốt mấy đứa nhỏ sưng húp cả mặt. Buổi chiều ngày thứ tám tôi buộc cái yếm lụa của chị Nhiễu vào đầu gậy đến xin hàng ở đồn Nậm Vải 1.

Chỉ huy Đồn Nậm Vải là trung úy De Lavernett, cháu bảy đời của danh tướng De la Tour d'Auverrgne thời Cách mạng Pháp. Ông tiếp đón chúng tôi với tất cả từ tâm, tất cả lịch sự của một người Pháp quý phái. Rồi sau khi để chúng tôi nghĩ yên một tuần lễ, sau khi chữa cho lũ trẻ khỏi những vết thương băng rừng, trung úy De Lavernett đánh điện về Nghĩa lộ xin máy trực thăng đến đón chị Nhiễu với ba đứa trẻ. Còn tôi ở lại làm một thứ tù binh thượng khách của ông được chưa đầy hai tháng, thì ông trúng mìn, tử trận. Tôi bị đưa về Hà Nội, giam trong " Trại Mười Ba"2 mười bảy ngày, tới ngày thứ mười tám có một bức điện tử Pháp đánh về Bộ tư lệnh Khu vực Hành quân Bắc Việt, xin trả tôi về tự do.

Bức điện ấy của ai, tôi không biết. Vì người biết là Trung, thì Trung giả vờ quên không nói đến. Tôi đã nhiều lần cám ơn Trung nhưng vẫn chưa đủ. Bởi vậy, một lần này nữa, tôi nhắc lại Trung hãy tin vào tình bằng hữa thủy chung tận tụy của tôi. Vĩnh viễn.

Trung hãy tin rằng những việc làm và tiếng khóc hồn nhiên của anh Chắt Hoe, sự hiểu biết và tính cương trực của quá cố trung úy De Lavernett, và sau hết, tình tương trợ tức khắc của Trung đã vượt qua bao nhiêu cửa ải để cho tôi có được bức điện quý giá

kia, chính bấy nhiêu sự việc, bấy nhiêu hy sinh, đã cứu tôi thoát hẳn được cơn ám ảnh kinh khủng về một cuộc chiến đấu giữa người với người mà là đồ vật…

Cuộc chiến đấu thương tâm, nhất là vì trong số đồ-vật người kia có thể có những người bạn thân khác của tôi, những anh em con cháu, họ hàng tôi. Có những cánh tay sẽ cầm dao đâm vào ngực tôi, những cánh tay trong đó chảy cùng với cánh tay tôi một giòng máu! Thật là một cơn ác mộng. Nếu không có Trung, nếu tôi còn bị giam giữ lâu ngày, tôi e rằng khó mà khỏi lên cơn điên, cấu, xé…

(1) : Nậm Vài : tiếng thiểu số Thái : con trâu, con bò

(2) : thường gọi là Trại "Nhà Tiền"

Thân ái Trung,

Thế mà ngót hai năm cũng qua rồi. Tôi ra khỏi trại giam, bị kích thích nặng quá trong thần kinh hệ nên phải nghĩ yên đến hơn một tháng, suốt ngày không ra đường, không rời quyển sách hay tờ báo. Tôi đọc ngấu nghiến những tài liệu về khoa học, về cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, về trận Mao Trạch Đông chiếm đại lục, về vụ xung đột Nam, Bắc Hàn. Một số báo Pháp của người anh rể, trình bày hoặc khách quan, hoặc chủ quan, đủ mọi lập trường của mọi nhóm người Pháp về cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Tôi nhận thấy mới hai năm nay, ở trong này người ta mới tỉnh ngộ mà hiểu rằng, chiến trận từ Lạng Sơn xuống Cà Mau, thật ra chỉ là một bộ phận " nóng" của cuộc tương tranh "lạnh" giữa hai khối Dân chủ và Bôn-sơ-vích. Cũng như ở Nam, Bắc Hàn, mặc dầu con số người chết và bị thương phần nhiều là người Hàn, mặc dầu nhà đổ, làng cháy, cầu gãy, đê vỡ, chỉ là những tai nạn riêng cho người Hàn.

Người Bô-sơ-vích thật sự, nghĩa là người Liên Xô, nếu có cũng chỉ có mấy tay cố vấn kếch xù náu kín trong trung tâm khu chiến. Thế mà hàng chục người Việt, hay người Hàn, đã chết chính bởi họ, vì họ. Tôi thấp thoáng có ý nghĩ: Không cứ đội viên chiến đấu mới là đồ vật, bởi Hồ Chí Minh hay Kim Nhật Thành nào có hơn gì!

Tôi nghĩ thế, và thấy lòng se lại. Cả cái khối Bôn-sơ-vích khổng lồ cũng chỉ là một thứ đồ vật trong bàn tay sử dụng của điện Kremlin, mặc dầu Staline đã chết, Staline hay Malenkov, thật chẳng khác gì Bác Sĩ Moreau. Trung có nhớ phim “Hòn Đảo Của Bác Sĩ Moreau” không? Phim tả nhà bác học có tham vọng hoàn cái cho giống vật thành giống người, nhưng thất bại, vì giống vật có hình người mà không có lòng người. Cuối phim, hình ảnh đàn vật-người tiến lên đập phá, giết bác sĩ Moreau, và gầm thét: “chúng ta không là người, chúng ta không là vật, chúng ta bây giờ là đồ vật!”. Bác Sĩ Moreau, nét mặt thường ngày nham hiểm của kẻ mưu toan gây dựng một sức mạnh kinh khủng bằng loại vật-người-đồ-vật, đến cuối phim, trước cơn giông tố của sức mạnh mù lòa, Bác Sĩ Moreau đã khiếp sợ thế nào!

Tôi không sao quên được nét mặt của Bác Sĩ Moreau. Tôi nghĩ đến Staline hay Malenkov. Họ đang thí nghiệm ngược lại với Bác Sĩ Moreau, giống người sắp thành đồ vật sẽ đối xử với họ ra sao? Sẽ tuân lệnh hay lại nhảy lên bíu vào cổ, cắn ngập răng vào mạch jugulaire? 1

Thật khó mà biết trước được. Duy hiện nay thực tại bắt buộc chúng ta công nhận họ, cũng như Bác Sĩ Moreau, vẫn còn ở trong thời kỳ thử thách. Trước khi thành công hay thất bại hẳn hoi, họ hiện có, ở một vài nơi, những sức mạnh đáng ghê sợ. Một trong những nơi ấy là đất Việt Nam này.

Thế mà, để chống sức mạnh ghê sợ ấy, người ta lại chỉ có một lực lượng phức tạp, hỗn hoạn, mâu thuẫn trong nội bộ phát hiện hằng ngày, và ở tất cả mọi cấp bực. Một lực lượng quốc gia, nói là để chống Cộng Sản từ hai năm nay. Nhưng trước khi nghĩ đến chống Cộng Sản hãy chống nhau ngay trong hàng ngũ. Người Pháp chống người Pháp, người Pháp chống người Việt, người Việt chống người Việt.

Mà tôi có nói ngoa không Trung?- Không chứ! Bởi có thiếu gì Cộng Sản Pháp trong hàng ngũ đoàn quân viễn chinh? Có thiếu gì Cộng Sản Pháp ngay trong một chính phủ chủ trương xâm lược? Thành thử đánh vẫn đánh, vẫn lại có kẻ đem cả toàn bộ kế hoạch của bộ Tổng Tư Lệnh giao cho Cộng Sản, vẫn lại có kẻ hàng ngày viết báo đòi

phải trả ngay đất nước cho Hồ Chí Minh! Ấy là chưa kể, trong mặt trận chủ hòa, còn có những phần tử xã hội, muốn hòa nhưng lại muốn điều đình giữ lại một phần nào quyền lợi của thống trị.

Ngược với chủ hòa là chủ chiến: Những tay chống Cộng Sản vì có những tài sản kếch xù, những phần tử thực dân lạc hậu nhưng cực đoan với một số ít người chống Cộng Sản vì chủ nghĩa cùng tất cả những thành phần tôn giáo chân thực. Thành ra khối chủ chiến lại còn phức tạp hơn nữa: Phe thực dân muốn dùng Nguyễn Vĩnh Thụy cùng những đảng vô hại, với những lãnh tụ vô hại (vô hại cho họ, vì lúc …

1: Phim " L'Ile du Docteur Moreau" công chiếu khoảng 1936-1937: tài tử Charles Laughton đóng vai bác sĩ, Dorothy Lamour đóng vai con báo mới hóa người

…. nào cũng sẵn sàng ký vào mộ hiệp ước Patenotre thứ hai!), trong khi ấy những nhà lý thuyết sáng suốt đề nghị trả cho Việt Nam nền độc lập thực sự, và các bậc lãnh đạo tôn giáo đi tìm một người đạo đức.

Sự lủng củng trong nội bộ người Pháp đã như thế, sự lủng củng trong nội bộ một số đảng phái Việt Nam cũng chẳng kém gì. Ở cương vị có đôi chút lực lượng, đáng lẽ phải hiệp tác để chống lại kẻ thù chung, và bằng thái độ ấy, bắt người Pháp phải kiêng nể, thì trước hết các đảng phái hãy chống nhau cái đã. Họ viện lẽ có đảng đi với Pháp, có đảng chống Pháp, có đảng chống cả hai bên, nói là để dồn cho họ đánh nhau cho chán, khi nào cả hai bên cùng quy, lúc đó sẽ an nhiên hưởng thụ. Nghĩa là mỗi đảng một chủ trương, một chính sách, đảng nào có vẻ "hiền lành" nhất, một vài lần được Pháp cho "thử" giữ một chút quyền binh, thì việc đầu tiên lên cầm quyền là đi lùng bắt cán bộ đảng đối lập – chưa phải là cán bộ Cộng Sản-để bỏ tù. Việc thứ hai là mỗi lãnh tụ chuyển ngay sang Ba-Lê một vài triệu, một vài chục triệu, tùy theo khả năng. Thảng hoặc cố gắng gượng tổ chức lấy một cơ sở tương đối có uy tín thì bị ngay Cộng Sản dùng kế ly gián: Một trái lựu đạn nổ, vài ông "quan to'" về trời, và tổ chức bị giải tán, cấp bộ chỉ huy lại cũng vào tù!

Đảng phái đến như vậy thật là nát bét. Một vài đảng rút vào bí mật, cố giữ lấy một chút tín nhiệm đã gây dựng được trong giới trí thức. Nhưng giới trí thức lại yếu đuối, mệt mỏi, hoài nghi hơn bao giờ hết. Họ, một số biết người, biết mình-biết mình không có sức mạnh-nên phó mặc việc đời, cứ chùm chăn cho kỹ. Một số khác không đành lòng chờ đợi bị tiêu diệt, nhưng khôn ngoan không làm chính trị, chỉ gia nhập đề phục vụ những tổ chức xã hội, nhằm mục đích làm nhẹ bớt một phần những vết thương do chiến tranh. Một số thứ ba, may là rất nhỏ, theo "mặt trận Bảo Đại" đi làm giàu, sa đọa.

Trong khi ấy, dân chúng, dân chúng anh dũng, bị bỏ rơi hoàn toàn về tinh thần. Ngoại trừ một số loa phóng thanh hàng ngày đi hô những khẩu hiệu này lừa bằng giọng nói nhạt nhẽo, thì sách báo của tư nhân không làm nên được một chút công trạng nào trong nhiệm vụ giáo dục quần chúng. Quần chúng không hề biết những sự thay đổi đã đến trong hàng ngũ Cộng Sản, nên vẫn hồn nhiên coi rằng danh từ "Cộng Sản" chỉ là một sự vu vạ khổng lồ cho kháng chiến, và càng ngày càng cảm mến kháng chiến hơn lên. Thậm chí, trong năm 1953, tôi có thể nói không sợ mang tiếng ngoa ngoắt với Trung rằng dân chúng-lẽ cố nhiên, trừ những người đã có dịp mắt thấy tai nghe-, dân chúng ngã về kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, đến nỗi cán bộ kháng chiến ra vào Hà Nội như vào một thị trấn không người. Một chứng cớ bằng suy luận: mấy năm nay, ở Hà Nội không có mộ vụ ám sát hay bắt cóc nào, và đó là triệu chứng rằng kháng chiến đã rất mạnh.

Sức mạnh của Cộng Sản, tôi đã nói nhiều lần, chỉ là sức mạnh mượn được của kháng chiến. Lợi dụng được hoàn cảnh nghìn năm có một, là cuộc Tổng Khởi Nghĩa đưa đến kháng chiến, họ vẫn tiếp tục tuyên truyền rất dân tộc trong dân chúng, nhất là trong dân chúng vùng Pháp chiếm đóng. Mặc dầu, từ năm 1950, và đầu năm, ở Liên khu Việt Bắc đã có mở nhiều lớp học tập quốc- tế-tính.

Trung đừng nhầm quốc- tế-tính là một thứ tư tưởng quốc tế, có mục đích làm cho con người mở rộng lòng thương yêu nhân loại cũng như thương yêu đồng bào mình, Trung

hãy chú ý đến chữ tính, tính nết, đã dùng trong chữ vô sản tính, giai cấp tính. Quốc tế tính là một thứ thói quen tinh thần, một thứ ý nghĩ bẩm sinh đã có, rằng con người sinh ra không có quốc gia, quốc gia là bịa đặt, ái quốc là bịp bợm, bởi vì con người là con người của hoàn vũ, của nhân loại.

Quốc tế tính, thật ra, là một cái mồi và cũng là một cái bẫy cho đồng bào ta… Là cái mội, vì nước Việt Nam nhỏ, đất Việt Nam nghèo, nếu thực hiện quốc tế tính, người Việt Nam có thể sang làm ăn bên Mỹ, bên Pháp, mà vẫn như ở trong nước nhà. Giấc mộng giàu sang dễ dàng thành sự thật. Lại cũng chính vì thế mà là cái bẫy, vì dân tộc nhỏ, bên cạnh dân tộc Trung hoa khổng lồ, nếu càng có quốc tế tính thì trong bao lâu sẽ mất gốc?

Tưởng chẳng nói Trung cũng biết người Tàu từ ngàn xưa vẫn nuôi cái mộng đồng hóa những nước "man di" nhỏ bé. Nay có cơ thực hiện, ắt là có bàn tay Trung Cộng dính vào. Còn Việt Cộng chưa chắc đã muốn thế, vì ai chẳng muốn một tình làm chúa tể một sơn hà, dù nhỏ bé. Nhưng tình trạng kiệt quệ về thực lực đã bắt buộc họ.

Cho nên tôi chắc rằng họ đã bắt đầu run sợ, ngay từ khi Hồng Quân tiến đến giáp giới biên thùy. Tôi nghĩ rằng họ sợ, vì trong hành động của họ, trong những năm gần đây, đã có nhiều trạng thái của mất sự vững vàng về tinh thần. Tôi nhớ khi trước, bị bắt ở Lạng Sơn, nhiều lần bị họ đem ra toan giết, mà không thấy một lần nào thấy họ lộ vẻ căm thù hay tức giận. Tôi nhớ tên cai ngục vào với cuộc giây thừng, đến trước mặt tôi nghiêm chào, xin lỗi như người ta xin lỗi nhau trong một buổi dạ hội ở Nhà Hát lớn, rồi xin phép trói, trói thật chặt. Đến khi giải ra pháp trường, tên chỉ huy còn tươi cười nói "đồng chí đi trước". Lại đến khi có lệnh hoãn, vẫn tươi cười, không bực dọc, cũng không ngượng ngập, vừa cởi trói vừa nguyền rủa "cái đồng chí nó chưa được giác ngộ, nó trói đồng chí chặt quá thôi!".

Như thế, thật trái hẳn với thái độ của họ trong khi đấu, tố. Đã đành chính họ chủ trương giáo dục căm thù cho quần chúng. Nhưng vì sao phải giáo dục căm thù, nếu dám quyết địch vẫn yếu, mình vẫn mạnh, và dân vẫn theo mình tuyệt đối?- Tôi cho

rằng việc ấy, căm thù ấy, chính là sự hiển hiện của tự ti mặc cảm, của sự run sợ ngay chính các đồng chí vĩ đại.

Tôi có nhầm không, khi dám nói rằng trong lòng người Cộng Sản đã có tự ti mặc cảm, ngay khi họ đương thắng lợi trên khắp các mặt trận?

- Có thể lắm. Vì tôi dù sao cũng chỉ là khách quan quan sát đối với chủ quan thực lực của họ. Tôi có thể nhầm trong đoạn vừa mới phân tách về các thành phần mặt trận quốc gia. Tôi có thể không biết nhiều việc, nhất là những việc trong bí mật, ví dụ như những hoạt động ngấm ngầm để xây dựng cơ sở của những tập thể chính trị. Hoặc những hành động bán nước của những tập thể khác.

Nhưng có một nơi tôi nhất định không nhầm, là sự nhận định của tôi về giới trí thức. Trí thức chống Cộng, tư sản, tình nhân của tự do, cơ sở của tất cả mọi nền dân chủ. Đó là trí thức ở ngoài toàn cảnh, ở trong một không gian vĩnh viễn. Còn trí thức của ta… Tôi sợ rằng người trí thức của ta, trong lúc này, chỉ còn là cái bóng của người trí thức năm xưa, khi, 1945, họ không ngần ngại phất lá cờ máu- lúc ấy còn là cờ của Tổng Khởi Nghĩa thuần túy-trên khắp các ngã đường đất nước.

Vì sao? Tôi không muốn nói vì sao trước khi thuật lại cho Trung tất cả những hoàn cảnh, những phản ứng nó đã đến trong tôi, từ ngày tôi đặt quản bút xuống bàn, sau khi viết cho Trung: Về đâu, tiểu tư sản?

Về Hà Nội!

Trung đã mày mò xin được Letourneau, tổng trưởng trú xứ, đánh điện xin, không, đòi cho tôi trở về tự do. Thì việc đầu tiên tôi phải làm là gì? Là tìm cách gián tiếp trả ơn viên Tổng trưởng trú xứ, bằng cách trực tiếp đánh đòn trả thù đầu tiên vào những người Bôn-sơ-vích.

Tôi nghĩ thế, viết ngay hai bức thư dài cho hai viên đại tướng Tổng tư lệnh Salan, và Tư lệnh khu Hành quân Bắc-Việt De Linares. Trung hẳn đoán được trong thư tôi viết những gì: chính sách ruộng đất Cộng Sản, giáo dục giai cấp tính Cộng Sản, tự ti mặc

cảm Cộng Sản. Và sự chia rẽ trong nội bộ ta, sự cần thiết có một ý chí chỉ đạo, sự cần thiết động viên trí thức, không phải bằng tuyên truyền, mà bằng lời nói tâm thành giữa bạn với bạn. Điều kỳ dị nhất trong thư là tôi công nhận công lao của người Pháp, công nhận người Pháp có quyền ở lại, để hưởng thụ bình đẳng với người Việt trên đất Việt.

Viết thư xong, đánh máy xong, tôi vừa ký tên vừa cười một mình. Bởi cho rằng mình xử sự trúng tâm lý, đối với hai viên tướng, một nghe đâu có duyên nợ với Phù dung tiên nữ, một có nhiều bằng cử nhân hay tiến sĩ gì đó. Tôi tưởng họ sẽ hả dạ lắm, vì được công nhận có quyền làm thực dân, vì họ cố nhiên, là tri thức, phải tự hiểu mình quả thật là thực dân. Tâm lý hơn nữa nơi cuối thư, tôi không quên ghi rõ rằng tôi không đòi hỏi điều kiện vật chất, không xin mề đay cũng không xin đi làm, và cao quý hơn hết, xin sẵn sàng cộng tác hoàn toàn trong lãnh vực tinh thần.

Thư gửi đi, tôi vui liền đến mươi hôm. Đến hôm thứ mười, tiếp được giấy đòi của Sở mật thám Liên Bang. Tôi ngạc nhiên, nhưng vẫn đến. Rồi ngã ngửa người: một suýt nữa lại tù!

Thì ra tôi tâm lý trên mây rồi. Hai ông tướng xét bức thư của tôi, thấy cho phép họ làm thực dân, liền cho ngay là tôi có ý ngạo mạn. Tôi viết thư bằng chữ Pháp, chắc ít lỗi văn phạm, chứng tỏ có học khá. Mà không cần tiền, không cần mề đay, không xin đi làm! Viên Phó giám đốc đầu bạc, hình như tên là Cardin, hỏi đi hỏi lại, hỏi lại hỏi đi: " Ông ở đảng nào? Ai ra lệnh cho ông viết bức thư này?... Anh ở đảng nào?... Mày ở đảng nào?..." Tôi được dịp thề chối chết. Rằng tôi ở Phục Quốc đảng, nhưng đã hết hoạt động, và bức thư ấy chỉ do tôi thực lòng ngưỡng mộ ông Tổng trưởng trú xứ…

Ông Tổng trưởng Letourmeau cứu tôi lần thứ hai. Không có ông, sự dại dột lần này phải đưa tôi gần lắm là đến Côn Đảo!

Tôi ra khỏi Sở mật thám Liên Bang mồ hôi lấm tấm trên trán và ướt lạnh trong áo sơ mi, giữa cơn rét Nàng Bân năm Quý Tỵ. Con đường Gia Long đón gió hồ Gươm ào ào trên hè vắng, và hú từng hơi dài trong cành cây mới lưa thưa ít ngọn xanh. Tôi đi quanh hồ nhiều vòng, nhận thấy sự thất bại đầu tiên gieo vào tâm tư mình rất nhiều

phiền muộn. Bởi tôi chờ đợi sự hiểu biết ở những người Pháp cao cấp. Tôi bắt đầu lo sợ: đến họ còn không hiểu, ai sẽ hiểu?

Và quả thế. Tôi còn thử thách nhiều lần. Lần thứ nhất, sau đó, đến thăm vị thủ lĩnh đòn thể cũ. Ven bờ hồ Thiền-cuông, dưới một tòa lầu ba tầng, vị thủ lĩnh của tôi ở trong căn phòng để xe hơi. Lụp xụp, chật chội. Tôi linh cảm ngay được sự trong sạch, mừng thầm. Nhưng mừng trong giây phút, rồi thôi. Bởi đến phút thứ hai đã biết ông bị thời thế vượt xa nhiều quá. Là người thiểu số, đời đời tù trưởng, ông trung thành với Nhà vua, gián tiếp là Bảo Đại. Mặc dầu ông trong sạch, không nhận tiền của Phòng Nhì, không đề cử cán bộ vào chính quyền, ông cam phận đói rách trong căn phòng tối hẹp. Để chờ cơ hội, nhưng cơ hội gì, thế nào, ông không biết.

Hoàn toàn thất vọng. May lúc sắp đứng lên lại được gặp một lão đồng chí, một nhà trí thức danh tiếng. Tôi ngõ ý hỏi anh về thủ lĩnh, anh mỉm cười khẽ lắc đầu hai ba lần, chán ngán. Câu chuyện trở về quá khứ. Anh khen tôi viết tờ Phục Quốc hay. Tôi khen anh giữ được đạo đức giữa một thời điên đảo. Rồi cùng cười, nhưng cùng rất buồn mà chia tay.

Tôi trở lại căn phòng của tôi, hẹp và tối hơn căn phòng của anh Nông Quốc Long nữa. Nhà tôi còn chờ chồng bên cạnh mâm cơm nguội, nước nguội. Cất bát cơm suông lên tay, người đàn bà mỉm cười nói một câu an ủi bâng quơ, nhắc lại một thời kháng chiến, làm như đã xa lắm.

Mà xa lắm thật rồi, những ngày gian nguy tác chiến. Những hăng hái dào dạt, những quyết liệt xông pha. Cả đến niềm thống khổ, uất hận, mới ba tháng trước, bây giờ cũng đã lắng đọng xuống nhiều. Tôi cảm thấy tâm hồn mình muốn nhỏ lại. Một ý nghĩ còn ngập ngừng, có lẽ vì hổ thẹn với quá khứ. Tôi đột nhiên muốn trở về với gia đình.

Gia đình tôi vỏn vẹn còn có hai đứa tôi. Mẹ tôi đã thất lộc từ ngoài khu. Trong căn nhà ngõ hẹp này, bây giờ chỉ còn một mình nhà tôi, sáng sáng đưa chồng ra khỏi ngõ, lần nào cũng tươi cười hẹn chồng "về sớm". Rồi buổi tối, có những bận về rất khuya, bụng rỗng tuếch và lên chân rời rạc vào căn phòng chỉ sáng nhờ ngọn đèn hoa kỳ tù

mù, tôi ngao ngán lắc đầu, thì người đàn bà cũng lại tươi cười “để mai ăn một thể anh ạ!”.

Để mai ăn một thể, tức là hôm ấy không có gì vào bụng. Đói. Nhưng đói, thật ra và tự một mình nó, không có gì lạ. Nhất là nhà tôi lại càng quen lắm, ngay từ lúc còn tản cư. Tôi không có gì giúp đỡ, mẹ tôi già, một mình nhà tôi lo liệu, ắt phải lấy câu chuyện “nhỡ bữa” làm thường. Cực nhất là hồi tháng Mười năm 47, binh đoàn Vanuxem từ Tuyên Quang về qua Lập-thạch, qua nơi gia đình tôi trú chân làm ruộng ấp, có ba lính da đen rạch mặt bị du kích dùng câu liêm móc chết, bèn báo thù, gặp bao nhiêu nhà cửa, thóc lúa cảu dân chúng mới gặt về đều đốt cho kỳ hết. Cả nhà tôi đành ăn cơm gạo cháy, cay mùi khói. Đến tháng Ba, tôi có dịp về thăm, thấy mẹ với vợ chỉ còn da bọc xương, gò mà nhọn, mắt sâu hoắm, tóc trên đầu khô như rang. Thế mà người đàn bà ấy vẫn cười được, thậm chí hôm tôi phải đi, vẫn còn tìm được cách may cho chồng cái áo trấn thú bằng phin đen thật đẹp. Mẹ tôi thấy thế chỉ khóc, nước mắt già đau khổ nhưng hãnh diện.

Một người vợ như thế cố nhiên không bao giờ thẳng thúc tôi về miếng cơm manh áo. Anh em ở bên này đều cho tôi nhờ vợ mà sung sướng nhất đời. Kể cũng đúng, càng đúng khi chính mình cũng biết chẳng thiếu gì người, vì vợ muốn, phải bán linh hồn cho quỷ. Quỷ sống, một là Cộng Sản, hai là Pháp, ba nữa là chính phủ Tâm hay Hữu cũng thế.

Tôi công nhận nhà tôi là người vợ Á Đông trọn vẹn. Mười năm, hai mươi năm nữa, tôi vẫn có thể mặc cho nhà tôi tìm cách sống lấy một mình , không nâng đỡ, không cả đến hỏi han cho đủ cái nghĩa thiên nhiên của sự kết đôi làm vợ làm chồng. Tôi biết trước nhà tôi sẽ không bao giờ oán hối: kể từ ngày về làm bạn với tôi, một thiếu nữ đôi tám đã quên luôn đi rằng mình chỉ có tuổi xuân có hạn. Một thiếu nữ sớm trở thành người đàn bà không tuổi. Mười năm nữa, hai mươi năm nữa…

Nhưng cũng có lúc tôi bâng khuâng tự hỏi không biết còn làm khổ nhà tôi đến bao giờ. Những lúc họa hoằn tôi bắt gặp mình xây mộng về một cuộc đời yên ấm: căn nhà nho

nhỏ, xinh xinh, người vợ ngồi thuê thùa bên cạnh chồng đọc sách. Cảm giác êm vui thấm thía không bền, cứ mỗi lần nghĩ đến hưởng thụ hạnh phúc trong gia đình nhỏ hẹp là một lần nhớ đến anh em. Người đã chết, để lại vợ con nheo nhóc; người còn đang câm nín trong hàng ngũ bôn-sơ-vích, cố chịu đựng tất cả mọi gian nguy, điêu đứng, miễn làm sao ở lại được giữa đoàn quân kháng chiến. Quá khứ, kỷ niệm buổi xuất quân trong Rừng Thông, kỷ niệm trận đánh đồn Đại-Bục 1, kỷ biệm chiến dịch Lê Hồng Phong phá tan đồn Bảo-Chúc 2, quá khứ rừng rực những lửa reo, đạn réo, những người tiến lên, những người ngã xuống. Máu chảy, giặc đầu hàng, kéo lên lá cờ, là cờ dù sao vẫn là cờ kháng chiến. Quá khứ nặng quá cho một kẻ muốn trở về với gia đình. Bởi hắn biết không sao tránh khỏi mặc cảm phạm tội, một khi anh em còn chiến đấu mà hắn nỡ lòng nào một mình hưởng thụ?

Quá khứ đòi hỏi con người phải xứng đáng với nó, trong hiện tại và trong tương lai. Con người không thể phản bội chính cuộc đời mình. Mà hiện tại, chia rẽ, hỗn loạn, bắt phải có những khôn khéo, những luồn cúi, những nham hiểm toàn những thứ không phải là đức tính của chiến sĩ.

Cuộn chiến đấu được đặt trên một bình diện khác. Bình diện của thực dân ngoan cố, ngu xuẩn của chính quyền hèn hạ, thối nát. Của một quần chúng, mặt ngoài chen chúc hưởng thụ một nền kinh tế phồn thịnh giả tạo, nhờ viện trợ và nhờ sự tiêu pha của Đoàn quân Viễn chinh. Nhưng bên trong, quần chúng thiếu thốn xúc cảm chân tình, không thể làm gì hơn là hướng về kháng chiến. Chữ kháng chiến, lâu nay cán bộ nội thành đã dần dần hòa vào chữ Đảng: kháng chiến Đảng, Đảng kháng chiến.

Quần chúng hưởng thụ, quần chúng tiểu tư sản, nhất định không thương gì người bôn-sơ-vích. Nhưng đối trước người Pháp rõ rệt không thực tâm, quần chúng sợ hãi nô lệ hơn đói rét, cần phải có một nơi gửi lòng tin cậy. Năm 1948-49, hình như đã có lần hướng về Bảo Đại với những người trí thức. Năm đó tôi chưa về, không biết rõ sự thất vọng của quần chúng to lớn đến mực nào, vì trót quá tin ở Bảo Đại.Trí thức cũng tin ở Bảo Đại, ở bản Tuyên ngôn Thoái vị của ông ta thì đúng hơn, đã đảm bảo cho

con người ấy trước quần chúng. Cho nên Bảo Đại hiện nguyên hình “con Tây” khả ố, thì, đầu tiên đã mất mát một phần nào lòng tin của quần chúng, lại thành thực nhận sự sai lầm của mình, người trí thức tự trừng phạt bằng cách tự mình không tin vào mình nữa!

Trung đã biết không gì khổ bằng sự ngờ vực của mình đối với chính mình. Tấn kịch bi đát của những người cố tìm một lối thoát mà phải bấu víu vào những lực lượng bên ngoài. Bên ngoài, một đằng là Pháp với khi thì Tâm, khi thì Hữu, một đằng là Cộng Sản. Quần chúng thì đã mất một phần nào tin tưởng. Giải pháp vẫn chỉ có một: bằng mọi cách phải cướp lại cho kỳ được lòng tin của quần chúng. Nhưng đó là việc làm dài ngày, khó khăn, nguy hiểm. Trí thức đã lùi lại, rút vào trong một thái độ bế tắc. Phần đông chùm chăn, ngừng tất cả mọi hoạt động. Riêng từng nhóm nhỏ, hoặc bất chấp đe dọa, tiến lên ….

1: Trên hữu ngạn sông Hồng

2: Thuộc huyện Tam-Dương, Vĩnh Yên.

….. chống cả Cộng Sản lẫn Pháp, và có nhiều người đã bị lưu đày. Hoặc có những nhóm khác, nhận định Cộng Sản nguy hiểm về lý thuyết nên ngày đêm đào xới, cố tìm lấy một chủ nghĩa khả dĩ thay thế chủ nghĩa bôn-sơ-vích. Bấy nhiêu gắng công, cho đến nay, đã tương đối coi được là thất bại. Thất bại vì hành động lẻ tẻ. Ở cương vị lãnh đạo, trí thức đã lẻ tẻ, sẽ làm thế nào để lôi cuốn được toàn dân?!

Làm thế nào? Người trí thức vẫn tự hỏi như thế. Câu hỏi đưa đến bế tắc, khiến cho trogn tâm hồn họ rộn lên một niềm đau đớn. Nhất là những thanh niên còn nhiều thiết tha với dân tộc không thể ngồi yên, cũng không thể liều lĩnh làm một cái gì cho hả. Thanh niên tuổi băm lăm, băm mấy, được sống đủ để được biết đủ, không thể chấp nhận cho những thứ bác sĩ Moreau bôn-sơ-vích biến đổi con người thành đồ vật, càng không thể chấp nhận một cuộc đầu hàng người Pháp.

Tuổi thanh niên băm lăm, băm bảy là tuổi chúng ta. Tôi đọc những bức thư của Trung, rồi lòng hỏi lòng, càng nhận thấy tuổi chúng ta là tuổi phải chịu nhiều vết thương tâm tình nhất trong thời đại.

Chúng ta trước hết đã bị Cộng Sản dày xéo. Đến bây giờ lại bị dằn vặt trong tâm tư bởi ý chí muốn thoát ra khỏi một hoàn cảnh bế tắc. Tôi tin lời Trung viết cho tôi:

- " Chúng ta hiện mang nặng một chứng bệnh tâm lý, một chứng bệnh thế kỷ, nó đòi hỏi, nó bắt buộc chúng ta đi tìm một lẽ phải, một lẽ phải tuyệt đối, một lẽ phải là căn nguyên của mọi sự, cắt nghĩa mọi sự, và, do đó, chính là lí do tồn tại của đời sống".

Trung lại viết cho tôi: - " Chúng ta sở dĩ chống lại người bôn-sơ-vích là vì chúng ta biết họ chưa tìm thấy lẽ phải tuyệt đối mà đã nóng lòng tranh chấp đến tự thỏa mãn bằng những lẽ phải của giai đoạn, họ cố nhiên chiến thắng chúng ta trong giai đoạn cái lẽ phải của họ. Nhưng đời người còn dài, nguồn sống bất tận của con người không thể bị chính nó hủy diệt, cho nên tôi tin rằng chúng ta sẽ tìm thấy lẽ phải tuyệt đối, có khả năng giải quyết tất cả mọi thắc mắc, bộc lộ nguồn gốc của mọi cuộc giao tranh, có khả năng phán xét sau cùng, và đặt địa vị trí cũ những tinh thần lầm lạc".

Tôi hoàn toàn đồng ý với Trung rằng người trí thức- trí thức tư sản, nói cho thật rõ-có nhiệm vụ đi tìm một lẽ phải vĩnh viễn, bên ngoài thời gian và không gian, không thể không có cho đời sống thái bình của nhân loại. Người trí thức, nhân danh những đau khổ họ đã chịu đựng, rất xứng đáng sẽ tìm thấy.

Nhưng người nào sẽ tìm thấy thì chính người đó đã biến thành thần linh. Bởi, trong lịch sử của giống người, đã tìm thấy một lẽ phải có giá trị lâu bền, mới chỉ có Thích Ca Mâu Ni, Giu se Ki ri xi tô với Mahomet. Thêm hai vị á thánh Khổng Khâu và Cam Địa, có lẽ có chủ trương gần gũi với loài người hơn, nhưng tiếc thay, chỉ hợp với một phần nào nhân loại.

Nhân loại hiện đang tiến rất nhanh- có thể là nhanh quá chăng? Trong lĩnh vực khoa học. " Người sau này tìm thấy lẽ phải tuyệt đối, Trung đã viết thế, phải là người có

thiên tư phối hợp cảm tình với khoa học, một thứ trí tuệ Einstein hay Coppernic cộng với tấm lòng bác ái, vị tha của Đức Phật". Ở nơi đó, tôi cũng tin như Trung, rằng cuộc tranh chấp giữa hai khối dân chủ, bôn-sơ-vích, ngày nay đã lớn rộng quá, khiến cho một sự hòa giải không thể có, và sẽ chỉ có hoặc một sự can thiệp thiêng liêng, hoặc một trận giao tranh kinh khủng giữa những sức mạnh cuồng nhiệt năng nguyên tử, trong đó loài người không thể tránh được tự tiêu diệt toàn bộ. Cả hai viễn tượng cùng vượt xa người trí thức trung bình, không mỗi lúc làm nên giáo chủ, cũng không thể một ngày thành được một Einstein. Cho nên vì biết rõ được sự không đi tới đâu của mình mà phát sinh hoài nghi.

Đã đành rằng hoài nghi là một bệnh nặng. Nơi tận cùng bức thư sau trót gửi cho tôi, Trung đã lộ một vẻ buồn sâu sắc. Trung không viết rõ , nhưng tôi nhận được, qua dòng chữ, ý nghĩ của Trung không nhiêu xa sự tuyệt vọng:-" Chúng ta đi đúng đường, nhưng chúng ta đi quá chậm. Có thể rằng Nước Đỏ sẽ tràn ngập cuộc đời là hậu quả của sự thắng thế của Tội Ác trên Thiên lương. Khoa học đã nhiều lần chứng tỏ dấu tích những nền văn minh bị tiêu diệt".

Tôi nhận thấy Trung bi quan quá, một phần vì Trung là một người độc đáo trong tư tưởng, nên không thể cam chịu những giải pháp nửa vời, không chấp nhận một lẽ phải giai đoạn và cương quyết không thỏa hiệp với lẽ phải bôn-sơ-vích. Nguyên nhân thứ hai của căn bệnh bi quan của Trung, theo ý tôi, là Trung rời xa đất nước lâu quá, từ sớm quá. Mười lăm năm thương nhớ, cứ mỗi khi muốn có hình ảnh dãy núi, con sông cùng những nét sinh hoạt dồn dập hay thờ ơ, lành hiền hay bạo ngược của đồng bào, Trung chỉ có thể đọc sách báo, và đọc những bức thư của một số bạn thân, trong đó có tôi.

Tôi biết Trung thao thức, tha thiết muốn có những tài liệu xác thực, để có thể mường tượng ra hẳn đời sống của quốc dân ta, trong một thời kỳ nhất định. Tôi không thể làm vừa lòng Trung cũng như không một ai làm nổi việc ấy, kể cả những cấp bộ chỉ huy cao nhất nhất, vì lý do đơn giản là mỗi người chỉ có thể biết được sự thật của riêng

phe mình. Tôi nghĩ như vậy, nên thuật lại cuộc đời của chính tôi trong thời kỳ ấy. Trung hiểu tôi, sẽ hiểu cả một thế hệ. Nếu mỗi thế hệ có một người cũng làm cái việc tôi làm với Trung, thì đem tất cả những bức thư gom lại, nhà học giả xã hội và tâm lý sẽ có những tài liệu chính xác nhất về đời sống của một dân tộc.

Nhưng riêng Trung, chỉ có thư riêng của tôi, tôi với Trung lại cùng một lứa tuổi, thành ra Trung chỉ biết, tuy biết rất rõ về một thế hệ. Một thế hệ, dù có được giữ một vai trò trọng yếu nhất trong một giai đoạn lịch sử, vẫn không thể là một dân tộc. Trung có lẽ không chú ý đến điều này nên mới có thái độ bi quan quá đáng.

Trung viết: -“ Tôi nhiều khi khổ sở mà nghĩ rằng chúng ta đành phải thúc thủ. Công việc của chúng ta cố nhiên tâm thành mà vẫn không tránh khỏi không tưởng. Chúng ta muốn làm thánh, trong khi kẻ địch của chúng ta làm người e không đủ tàn bạo, lại còn cố trở thành đồ vật… Trên lý thuyết đấu tranh, tôi không thấy sức mạnh của mình, không thấy kẽ hở của địch”.

Chúng ta đành thúc thủ vì lẽ phải của chúng ta chưa kịp tìm thấy (Trung viết: sẽ có ngày nào tìm thấy được chăng?!), lẽ phải của địch, tuy chỉ có giá trị trong một giai đoạn, giai đoạn ấy có thể còn dài, đủ dài cho những người bôn-sơ-vích tiêu diệt xong những người tiểu tư sản. Trung nghĩ như vậy. Tôi nghĩ cũng gần như vậy. Chúng ta cùng chủ bại.

Duy không phải tất cả mọi người, tất cả mọi thế hệ đều chủ bại. Tôi vừa mới viết, ngay trên đây, rằng Trung biết rõ một thế hệ, là cốt để bây giờ viết thêm rằng có những thế hệ Trung không biết, những thế hệ đương lên. Nhất là thế hệ của những đứa em của chúng ta, hôm nay trên dưới ba mươi tuổi, thế hệ của những thanh niên cũng say đắm tự do và dân chủ, cũng thiết tha với tài sản tinh thần, nhưng không những không chủ bại, cũng không phải chỉ có một ý chí liều chết chiến đấu, mà, trái lại, còn tìm thấy cái lẽ phải tạm thời có thể “ giải quyết được tất cả mọi thắc mắc, bộc lộ mọi nguồn gốc của mọi cuộc giao tranh, có khả năng phán xét sau cùng , và có thể đặt về vị trí cũ những tinh thần lầm lạc”.

Lẽ phải đó là gì, thế nào, sau đây tôi sẽ nói rõ cho Trung biết. Lẽ cố nhiên đó không phải là sự "tìm thấy" của tôi, bởi, ví dù tôi có thật tìm thấy cũng không có giá trị gì hơn, vì nghĩ là một việc, nhận rằng đúng là một việc, mà tin vào cái nghĩ đúng ấy lại là một việc khác. Điều tôi cần phải nói ngay, là chính họ, họ tin vào cái họ nghĩ.

Họ là những bạn trẻ tôi thường gặp. Mắt họ sắc nhưng nhìn thẳng, miệng họ cười tươi thắm nhưng khi hai vành môi khít lại, lại vẽ thành một nét trang trọng, uy nghiêm sớm sủa. Vầng trán của nhiều người đã có bóng những vết nhăn ngang, trái hẳn với mớ tóc họ cắt ngắn, xương bả vai họ rộng và đầy, có vẻ tố cáo họ chỉ biết ăn khỏe, ngủ khỏe, tập thể thao khỏe, để bồi bổ riêng cho sức mạnh của thể xác.

Tôi gặp họ, yên chí họ thơ ngây, ít ra là về chính trị. Nhưng vẫn theo dõi họ vì tò mò. Họ biết thế, theo dõi lại tôi không kém. Cho đến khi hoàn cảnh cho phép chúng tôi hiểu nhau, qua một đêm tâm sự chí tình.

Họ vào đề đột ngột:

- Chúng em biết các anh đau khổ trong một trạng thái tinh thần không có lối thoát. Các anh đã chiến đấu can đảm, các anh còn muốn chiến đấu nữa. Nhưng các anh đã hoài nghi chính khả năng chiến đấu của các anh, của dân tộc, và, luôn thể, hoài nghi đến sự hữu hiệu của những tổ chức quốc tế. Sau một thời gian tích cực chiến đấu, các anh vì lẽ này lẽ khác, đã muốn sinh hoạt nặng về tư tưởng. Các anh nhiều lần giáp mặt với cái chết, nhiều lần được chứng kiến những hành vi nham hiểm và hèn hạ, cho nên vì một thứ phản ứng nén tâm, các anh đã hướng về sự tìm tòi một Sự Thật tuyệt đối, và đó là một thái độ không tưởng.

Tôi chịu là chúng ta trở nên không tưởng, nhân nói thêm rằng sự có mặt của chúng ta, từ trước tới nay, thật là vô ích, nếu không có hại. Thì họ lại bênh vực chúng ta:

- Các anh đã đóng trọn một vai trò lịch sử, một cách cao quý không thể nào hơn được. Sự có mặt của các anh là một sự lợi ích, là một cứu cơ cho bọn chúng em. Các anh đã hứng chịu hộ chúng em tất cả những ảnh hưởng tai hại của một giai đoạn quá

độ của lịch sử. Chính các anh đương lúc lớn lên, đã phải nhận lấy cái mặc cảm chủ bại của tinh thần Nho giáo suy tàn. Các anh lại bị đầu độc bởi lãng mạn chủ nghĩa, cá nhân khoái lạc chủ nghĩa trong văn chương Pháp. Chúng em cho rằng chính tinh thần hiệp sĩ Pháp, tinh thần trung quân, quân tử Tống Nho, đã xui các anh chống Cộng Sản bằng cách giúp Cộng Sản chống Pháp. Nhất là anh Quảng, như anh có lần kể chuyện, chúng em thấy anh Quảng giống một Don Quichotte cộng với một Chu Hy như đúc…

Tôi không muốn nghe họ nói về Quảng, dù nói rất đúng. Sự phân tách tâm lý một người bạn đã khuất chỉ có thể gợi cho tôi nhiều xúc động không nên có vào lúc ấy. Tôi cắt lời họ bằng cáchđưa cuộc thảo luận sang vấn đề thực tế chống Cộng Sản. Về vấn đề này, ý kiến của họ khác ý kiến chúng ta nhiều lắm.

Họ trước hết không công nhận cái mạnh hiện hữu của những người bôn-sơ-vích là không có kẽ hở. Theo ý họ:

- Cộng Sản không phải mạnh vì lý thuyết chủ nghĩa mác-xít. Cộng Sản thật ra mạnh vì trên đời còn có đói khổ và nô lệ, nghĩa là còn có những người bất mãn. Vì thế, nếu có thể một lý thuyết cùng những thực hiện xây dựng xã hội lành mạnh, no đủ và tự do, thì Cộng Sản tự nhiên hết quyến rũ về tinh thần. Sức mạnh thứ hai của Cộng Sản là một tập thể vững chắc với những đạo quân cuồng tín. Chúng em công nhận tính chất cuồng tín ấy có thật, nhưng chúng em cho rằng binh sĩ của họ sở dĩ cuồng tín là vì hai nguyên nhân. Một nguyên nhân là sức quyến rũ của chủ nghĩa chúng em vừa nói, một nguyên nhân nữa lại chính là tinh thần yêu nước trong mỗi người. Những binh sĩ Việt Minh, Bắc Hàn, và Nga Sô với các nước Đông Âu trong những năm 1941-1945, đều chiến đấu anh dũng để bảo vệ tổ quốc. Chứng cớ là 159 ngàn quân Lỗ mã Ni, năm 1941-1942, đánh Nga Sô để đòi lại vùng Bessarabie, còn anh dũng gấp mấy 200 ngàn quân Lỗ mã ni, năm 1944-45, theo Hồng quân Nga Sô đánh vào nước Đức.

Họ lại còn thấy cái yếu của Cộng Sản:

- Cộng Sản bảo không có mâu thuẫn trong hàng ngũ Cách Mạng Vô Sản, tức là trong Đệ Tam Quốc Tế. Họ đã nhầm lớn lắm. Trong hàng ngũ Đệ Tam đã phát sinh mâu

thuẫn thứ nhất là Đệ Tứ Tờ Rốt Kýt. Rồi chính hàng ngũ những nước xã hội chủ nghĩa là cả một cái quyết thế có cực nhiều mâu thuẫn nội bộ: mâu thuẫn giữa các bộ với cán bộ, giữa đảng viên với cán bộ hay với đảng viên; mâu thuẫn giữa Đảng với quần chúng đối lập với cả quần chúng đã theo Đảng, vì lẽ số quần chúng này theo Đảng để hưởng quyền lợi, nên sẽ đòi Đảng phải thi hành những lời hứa mà Đảng muốn quên. Như vậy là trên thực tế, Cộng Sản đã không mạnh như người ta tưởng, mà về lý thuyết, chính Marx nói xã hội chủ nghĩa không có mâu thuẫn với biện chứng duy vật, tức là mâu thuẫn với lý thuyết nguyên thủy. Theo ý chúng em, trong khi nói "xã hội xã hội chủ nghĩa không có mâu thuẫn", Marx chỉ có một dụng ý tuyên truyền: Tuyên truyền gian dối, đâu có phải là tuyên truyền của sức mạnh thật sự?

Sau một hồi quanh quẩn, họ lại trở về chúng ta:

- Anh Trung (tôi có cho họ xem thư của Trung) nói rất phải là họ quá vội trong sự tranh chấp quyền lực, nên đã phải tự thỏa mãn bằng những lẽ phải có tính chất giai đoạn. Có điều anh Trung đã bi quan quá, khi sợ rằng giai đoạn lẽ phải của họ đủ dài để cho phép họ tiêu diệt tiểu tư sản, Theo chúng em thì họ đã trở thành nô lệ ngay cái tính chất giai đoạn của họ: sau giai đoạn lợi dụng tiểu tư sản để kháng chiến thành công (khi sự thành công đã rõ rệt) là họ bắt buộc phải chuyển sang giai đoạn đấu tranh chính trị, lợi dụng quần chúng nghèo đói để tiêu diệt tiểu tư sản. Nhưng các anh đã thấy họ thất bại trong công cuộc giáo dục căm thù, chứng cớ là anh Chắt Hoe chắc chắn đã dự vào việt giết anh Nhiễu, (ai có thể không dự ?), nhưng sau đó lại hồi tâm, có lẽ còn hối hận nữa là khác, nên mới hy sinh cho vợ con anh Nhiễu: Nghĩa là Cộng Sản có thể giết được người mà dân chúng kính phục, nhưng không thể giết được chính sự kính phục người ấy trong lòng dân chúng. Nói tóm lại, hai chữ giai đoạn đã làm cho họ trở nên máy móc, biết làm Cải Cách Ruộng Đất thì mất lòng dân mà cứ phải làm.

Sự thảo luận chân thực đưa tôi đến chỗ hỏi về quan niệm của họ đối với vai trò của chính họ trong lịch sử. Họ thẳng thắn công nhận:

- Các anh đã giúp chúng em quá nửa về công việc lý thuyết. Trên lý thuyết, vì sao chống Cộng Sản, chúng em chỉ cần phải nói thêm một điều anh chưa kịp nói, là Cộng Sản chủ trương một thứ tự do tập đoàn, một thứ tự do trong kỷ luật sắc thép. Chúng em chưa vội phê bình chủ trương ấy có lợi hay có hại cho đời sống vật chất của nhân loại nói chung, nhưng chúng em có thể nói ngay rằng tự do tập thể, chính họ cũng công nhận, sẽ giết chết tự do cá nhân. Tự do cá nhân bị tiêu diệt thì sáng kiến cá nhân cũng bị tiêu diệt, và bị tiêu diệt luôn thể cả ý chí sáng tạo của con người. Đó là nơi chúng em chống họ đến cùng trên lý thuyết. Lẽ cố nhiên em không là nghệ sĩ, nhưng cũng không quan niệm chữ sáng tạo hẹp hòi trong phạm vi nghệ thuật. Chúng em công nhận người ta ở đời, mỗi người là một nghệ sĩ: Người mẹ sáng tạo ra đứa con theo hình ảnh mình, người tình nhân tìm hết cách để nhìn người yêu của mình cho thật đúng với người yêu lý tưởng; người thợ dụng tâm là ra một đồ vật theo ý mình, tất cả đều là nghệ sĩ.

Nghe họ nói đến đây, tôi cười họ chặt chẽ hết sức trong lý luận mà vẫn còn có cảm tình đối với nghệ thuật. Họ cũng cười:

- Chúng em quan niệm nghệ thuật khác các anh nhiều. Các anh làm nghệ thuật để tô điểm cho đời sống, chúng em làm nghệ thuật để ích lợi cho đời sống. Các anh nặng về cá nhân, chúng em nặng về tập thể tuy vẫn bảo vệ cá nhân trong tập thể. Các anh thuần cảm tình nên không làm được, còn chúng em may sinh sau các anh, nên chịu ảnh hưởng Tây phương thuần túy, chúng em phân định được rõ rệt vị trí của cá nhân trong tập thể. Có lẽ chính vì thế mà chúng em tin ở lực lượng của tập thể, tin ở hiệu lực của những công cuộc tổ chức, giáo dục và chi phối tập thể. Công cuộc ấy lẽ dĩ nhiên là nhiệm vụ của người trí thức tiểu tư sản: các anh sẽ giúp chúng em về giáo dục, chúng em sẽ thay các anh trong tổ chức và chỉ huy. Chúng em, hơn nữa, còn tin ở các tổ chức quốc tế hơn các anh. Các anh, với kinh nghiệm sống bốn chục năm gần đây, không tin tưởng ở sự trong sạch của những cuộc bang giao quốc tế. Còn chúng em lại bằng vào sự khôn ngoan trong khi phân phối và bảo vệ quyền lợi chung, mà tin rằng thời kỳ chia rẽ và mâu thuẫn tất phải hết, để cho quốc tế đi dần đến thời kỳ chân

thực đồng minh chống Cộng, đồng thời giải phóng những nước bị trị. Sở dĩ chúng em dám đặt hy vọng vào những viễn tượng tốt đẹp của tương lai, là vì chúng em theo kịp sự tiến bộ của khoa học, của tinh thần khoa học. Khoa học có thể mở mang tài nguyên cho đời sống ê hề đến nỗi chiến tranh trở nên vô ích và vô lý. Khoa học cũng có thể tiến tới điểm chế tạo ra những võ khí tuyệt đối, khiến cho bất cứ một cuộc chiến tranh nào cũng là một cuộc tự sát chung của cả nhân loại.

Rồi, thân ái Trung, đây là quan điểm của họ về cuộc giao tranh giữa chúng ta, tiểu tư sản và những người bôn-sơ-vích:

- Trên phương diện tuyệt đối cảu thời gian hễ hết đói khổ, nhờ hòa bình và khoa học, và hết nô lệ, nhờ kháng chiến dân tộc và can thiệp quốc tế, là Cộng Sản sẽ hết mãnh lực thu hút đối với dân chúng. Riêng trong phạm vi nước ta, trận Điện Biên Phủ vừa mới kết liễu, Việt Minh-Cộng Sản rõ rệt sắp chia đôi sơn hà với Pháp. Chúng em nóng lòng chờ đợi ngày chia đôi đó. Không phải vì chúng em thích thú gì sự chia đôi đất nước, nhưng riêng chúng em cho rằng đó là một sự tai hại cần thiết. Miễn là có hòa bình, vì chủ trương bạo ngược và vì mất danh nghĩa kháng chiến Việt Cộng sẽ mất lòng dân cực kỳ nặng nề. Người Pháp còn giữ một phần đất, nhưng vừa mới thua đau, còn khiếp nhược và hoang mang. Quốc tế nhân việc điều đình, chú ý đến nước ta hơn, chắc hẳn sẽ bênh vực người tiểu tư sản mà hiện nay quen gọi là người Quốc Gia chống Cộng. Người tiểu tư sản, được ba điều trên, nhất là được trông thấy Cộng Sản mất dân, sẽ như được tiêm thuốc hồi sinh. Nói tóm lại, chúng em tin rằng người tiểu tư sản không cử phải tìm thấy lẽ phải tuyệt đối mới thắng được người bôn-sơ-vích, ít ra là trong giai đoạn hiện tại, mà các anh nói là “giai đoạn” của lẽ phải của họ”.

Thân ái Trung,

Tôi vừa mới thuật lại, dài dằng dặc, mấy mẫu tư tưởng của một số anh em thanh niên ít hơn chúng ta dăm, bảy tuổi. Tôi thuật lại đúng, cho nên miễn phê bình, dù chỉ để tỏ lòng tin tưởng của tôi hơi họ, hoặc chỉ để chống lại quan niệm độc đoán của họ về nghệ thuật.

Tôi thấy chỉ cần phải nói cho Trung biết ít ngày sau đêm họ nói chuyện với tôi thì xảy ra việc quân Pháp bỏ khu chiến miền Đông Nam. Sự rút lui của đoàn quân Viễn Chinh là cả một sự vội vã, cả một sự sợ hãi trông thấy. Có điều lạ, là không có một lời tuyên truyền, dân chúng ùn ùn bỏ nhà cửa theo quân đội. Dân chúng bám vào xe chở hàng, như chùm sung, tràn lên đò làm chìm mất vô số. Rồi đi xe tay, đi bộ, mẹ cõng con, chồng dắt vợ, trên vai tòn ten đôi quang thúng, có khi tiền bạc thì quên, lại đem đi mấy cái nồi đất. Tôi xuống tận Nam Định. Buổi tối, đèn mờ mờ, trông đoàn người ra đi không mảy may khác những người, chín năm trước, ra đi kháng chiến.

Nhưng vẫn khác, bởi ra đi kháng chiến, người ta tuy lặng lẽ mà nhộn nhịp, tuy đau khổ vì tan vỡ, mà hy vọng xa xôi nhưng mãnh liệt vẫn tràn ngập không gian. Còn lần này ra đi, chỉ có những bóng đen câm nín cúi đầu xuống mặt đường, và lưng còn dưới gánh nặng.

Hình ảnh của tội lỗi, của hối hận, hay của sự cam tâm chịu đựng vò xé bởi sự lìa bỏ vĩnh viễn quê cha đất tổ? Hình ảnh của một đoàn quân chiến bại?- Không! Hơn nữa, Trung ơi, vì đây là hình ảnh của những bị người phản bội, bị phản bội trong lòng tin thắm thiết nhất. Đây là người nông dân không chịu đổi nóc nhà thờ dột nát lấy mười mẫu ruộng tốt, đây là người nông dân trọn đời không có gì để cho ai một chút, nhưng ngót tám năm vừa qua đây, không có gì để tiếc không cho kháng chiến.

Kháng chiến với họ không phải là lá quốc kỳ dù đẹp dù xấu, không phải là bài quốc ca dù dở dù hay, cũng chưa hẳn là một chính quyền hoàn toàn việt nam hay những quyền tự do căn bản… Kháng chiến, trong tâm hồn người dân lành, chỉ là làm thế nào cho được sống yên ổn, dù nghèo đói, thiếu thốn trăm bề, trong căn nhà có bát hương thờ tổ phụ, bên bờ ao đã soi bóng nhiều đời mẹ hiền, và trên mặt những thửa ruộng biết bao nhiêu đời nông phu kiên nhẫn đã cầy, đã bừa, cho nhuyễn cả những viên đá sỏi, cho cây lúa mọc được lên, rồi trĩu nặng bông vàng dưới một thứ ánh sáng mặt trời không thể có ở nơi đâu khác. Kháng chiến là làm thế nào giữ cho khỏi đứt đoạn sự quen thuộc với thôn xóm, tình tương trợ của họ hàng, vì không có những thứ ấy,

người dân lành thấy mình bơ vơ, lạc lõng trong đời sống. Kháng chiến còn nhất là sự giữ gìn cho toàn vẹn, sự bù đắp cho tăng thêm một chút gia sản, dù hèn mọn đến đâu cũng vẫn là "của hương hỏa" làm sự bảo đảm tương lai cho đàn con lũ cháu, sau này.

Đối với người dân lành, kháng chiến là như thế. Dốc một lòng, và "để cho con cái chúng ta giữ được như thế lâu dài", họ đã hy sinh tất cả những gì là của họ. Họ đã chịu cho giặc đốt nhà thờ, chịu cho du kích tát cạn ao chuôm để xẻ hào giao thông, chịu bỏ cỏ những bờ xôi ruộng mật vì những ngày dân công xa vắng. Cuối cùng họ mặc dầu không được huấn luyện, đã dám cầm thanh mã tấu, cái câu liêm, đi trước quân đội để đánh Pháp: họ đã liều cái mạng họ. Vì họ tin lời người cán bộ mà nghĩ rằng "để cho con cái chúng ta được yên hưởng về sau"! (người nông dân không yêu con kiểu cách như người thành thị. Không chìu nựng, không quấn quít. Người nông dân yêu con bằng một tình yêu hồn nhiên, một tâm tư chất phác: Con cái là khả năng làm cho đời sống không bao giờ tận cùng: Cha mẹ chỉ là một đoạn đường, trong khi con cái là tất cả, là vĩnh viễn)

Yêu như thế, tin như thế, thế mà họ bị phản bội. Phản bội không vì điều đình với Pháp. Phản bội đã đến, ngấm ngầm, dần dà, từ lâu rồi. Từ ngày họ không được giết con gà cúng bố mẹ, từ ngày Đảng bắt buộc đấu tranh phải khởi sự giữa vợ chồng, con cái, giữa thôn xóm, giữa họ hàng. Từ ngày hạt thóc vàng, là kết quả của trăm cay nghìn đắng, của vợ kéo chồng cày, phải đem gánh tất cả ra trụ sở Nông hội xã để nộp thuế Nông nghiệp. Nghĩa là từ ngày họ hết sạch, cả của lẫn người, nhất là người.

Sự phản bội gây ra thất vọng mênh mông và mất mát trọn vẹn, đến nỗi bước chân ra khỏi căn nhà quen thuộc, họ không tìm thấy vật gì đáng kể là còn lại, đáng đem theo vào một bên quang thúng, cho cân với bên kia đặt đứa con mới chập choạng tập đi. Đi, đi hẳn, có khác gì chết trong lòng người dân lành, cái chết héo hắt, dần mòn của linh hồn? – Đến chết còn kinh ngạc, chưa muốn chịu thật rằng họ chẳng có một cách nào khác nữa, ngoài sự rời bỏ quê hương, không hy vọng gì trở lại.

Sự ra đi của những người dân lành thật biết bao nhiêu cay đắng. Bởi nhớ những lần tản cư kháng chiến, họ liều chạy trước tầm súng giặc, một đỗi đường một đỗi nghi, để quay lại tìm lẫn trong chân trời, cái vệt thẫm dài là làng xóm, là quê hương họ. Lần trước họ nhìn lại, nhìn lại là hy vọng. Còn lần này, họ cúi đầu xuống mặt đường…

Tôi hiểu nỗi đau đớn của những người nông dân ấy. Thời thế đã bắt họ trở thành những chiến sĩ, vì tự họ, họ chỉ muốn cày ruộng, làm nhà, cuộc đời họ, lành mạnh những tự cao mặc cảm, không bao giờ muốn tranh cướp. Sức khỏe của họ, trí khôn của họ, họ chỉ quen dùng vào việc giành giật với thiên nhiên, với mưa nắng, gió bão, với khô nẻ hay lụt lội, những khóm lúa "chít hết hai gang tay", có nhiều bông "lớn như đuôi trâu". Tâm sự họ đơn giản, họ là người, có thể một đôi khi gian dối về đấu thóc, thúng gạo hay con lợn, con bò, nhưng họ không bao giờ dám nghĩ người ta có thể lừa nhau về quê hương, đất nước và tổ tiên. Họ đã ra đi kháng chiến, tin theo bọn cán bộ, với tâm sự đơn giản ấy. Họ đã bị phản bội, bị "bán đứng cả cút" cho một thứ chủ nghĩa Cộng Sản nói thì đẹp vô cùng, mà đến lúc thực hành thì hà hiếp bóc lột hơn cả bọn Chánh Sứ, Tây đoan thời trước.

Họ biết đau khổ, lần đầu tiên trong một lãnh vực rộng lớn. Tôi đoán được nỗi lo sợ của họ ở cặp mắt họ nháo nhác quay ngược, quay xuôi tìm kiếm, tuy không có gì mà chờ đợi. Họ muốn nhìn thấu ý nghĩa của sự việc đã vượt họ xa quá, để nhận định con đường phải đi cho tới được yên ổn. Họ thấy tôi đứng một mình bên cột đèn, có lẽ nét mặt khổ sở của tôi làm cho họ tin tưởng hay chỉ bằng vào cặp kính trắng là dấu hiệu của con người có học, họ đến gần tôi cất tiếng hỏi, ngập ngừng e sợ: " Ông ơi! Chúng cháu đi về đâu bây giờ?"

- Đi về đâu? Người nông dân ra đi để bảo vệ lấy một chút tài sản tinh thần, người nông dân tiểu tư sản đã hỏi tôi như thế. Lời hỏi chân thực, họ chắc chắn sẽ đi về hướng tôi chỉ cho họ. Mặc dầu họ không biết tôi, trong đáy sâu của bản năng họ vẫn tin tưởng ở tầng lớp trí thức, theo một truyền thống chưa bao giờ đứt đoạn.

- Đi về đâu? Tôi biết trả lời họ ra sao, một khi chính chúng ta còn tự hỏi lẫn nhau câu ấy?

- Đi về đâu? Tôi yếu đuối chỉ tay về phía Hà Nội. Dưới bầu trời không trăng sao, con đường nhựa thăm thẳm tan vào đêm tối. Tôi rùng mình, có cảm giác cả không gian thấp xuống, nhỏ lạ trong màu đen cạm bẫy. Con đường đưa vào đáy một cái túi không lối thoát. Tù ngục.

Họ đi rồi. Thì tôi muốn kêu lên, gào lên, để gọi họ trở lại: Đằng nào cũng chết, thà ở đây mà chết, còn bao nhiêu sinh lực hãy tập trung lại để chết cho can đảm! Nhưng có một chút gì ngăn cản không cho tôi làm cử chỉ tuyệt vọng ấy. Một chút gì…… thiết tha, tính gan góc và ý chí tận tụy của Quảng, tiếng khóc của anh Chắt Hoe, bước đi của chị Nhiễu thấm máu chân vào rễ cây rừng Nghĩa lộ. Tôi nhớ lại tất cả sự dai dẳng chịu đựng của con người tiểu tư sản, của con người tìm tự do, và nhớ lại lời người bạn trẻ về một sự tai hại cần thiết, một nơi nghĩ dưỡng sức cho những người chiến đấu đã quá mệt, một địa điểm tập trung những khả năng còn đương lên.

Tôi nghĩ: “Chia đôi đất Việt!”

Trong bụng tôi nao nao một sức nặng muốn bồng lên, trong cổ tôi tanh nhạt một vị kinh tởm, tôi có cảm giác sắp nôn xuống mặt đường tất cả tim phổi, dạ dày, ruột non, ruột già. Những bộ phận ấy đã sống vì kháng chiến, nay kháng chiến bị ô nhục, bị phản bội, tất cả thân thể tôi bỗng ngập trong mùi máu.

Tôi nhìn lên ngọn đèn vẫn ú áy trong sương đêm. Ngọn đèn đổ nhào xuống vỉa hè. Tôi choáng váng mày mặt, phải ngồi thụp xuống đất. Hai tay tôi chống lên những ngọn cỏ mát rượi, tôi đưa tay áp lên trán, trán tôi nóng rừng rực. Tôi cứ ngồi yên mãi như thế lâu lắm.

Thế rồi đất nước bị chia đôi thật. Trong tâm hồn tôi, như tâm hồn một bố già thấy chủ bán mất một phần thửa vườn cũ, có những dòng nước mắt tê tái, tủi nhục.

Từ Hải Phòng, tôi nhiều lần trở lên Hà Nội, những tưởng sẽ ra ngồi khóc trên bãi cỏ Hồ Gươm cho nhẹ nỗi đau khổ. Nhưng mỗi lần ra tới đó, lưng quay vào tòa Thị sảnh, mặt nhìn ra phía Tháp Rùa, thì đáng lẽ than van yếu đuối, tôi lại kinh ngạc thấy mình bình thản đặt vấn đề tính toán.

Có lẽ từ trong tiềm thức, tôi đã học được, hay được truyền tiếp nguồn sinh lực của số đồng bào đông như kiến cỏ trên con đường Nam Định, Hà Nội. Ở Hà Nội, tôi đi thăm nhiều trại tạm trú của đồng bào, trong khi chờ đợi phương tiện vào Nam. Đình, chùa, nhà thờ, nhà thương, trường học, thậm chí trại giam và trại lính, bất cứ đâu, miễn có đất đặt quang gánh nghỉ chân và có mái che mưa nắng. Tôi len lỏi tìm người quen không thấy, nhưng đến đâu cũng nhanh chóng thành quen hết cả. Đồng bào, hàng trăm ngàn người à lên để trả lời chung những câu hỏi. Hỏi: tại sao đi? Trả lời: Vì không ở được. Hỏi: Tại sao không ở được? Thì chính tôi đã trả lời ngay trên đây. Nhưng, mặc dầu biết chắc mình không lầm, tôi thành thật vẫn muốn nghe tiếng nói của người trong cuộc.

Tôi hỏi, đồng bào tranh nhau thuật chuyện làng, chuyện nhà, cả đến chuyện riêng của mình. Một bà mẹ chừng bốn mươi tuổi- thế hệ chúng ta! Ôm con nhỏ trong cánh tay gầy guộc, vừa kéo vạt áo lau đôi mắt đỏ mọng vừa kể:

- “Ông ơi, các anh cán bộ xã, các anh ấy bảo chúng cháu bỏ cúng ông vải, vì cúng vái là duy tâm, là chống chính phủ Cụ Hồ. Các anh cán bộ phát động gọi họp ngoài đình để đấu cụ Cử xóm Hạ, bảo là kẻ thù của nhân dân. Ban Nông hội xã thu thuế bắt phơi khô quạt sạch, chúng cháu gặt về mười phần phải nộp đến bảy, tám phần rồi. Rồi đến các anh cán bộ dân công, các anh ấy chia lân thế nào mà mấy vợ chồng bố con nhà cháu lúc nào cũng có người phải đi phục vụ chiến dịch. Các anh cán bộ bảo thế nào chúng cháu cũng xin vâng, vì các anh ấy bảo thế là theo Cụ Hồ kháng chiến. Chúng cháu cũng muốn kháng chiến lắm, nếu có phải khổ gấp trăm, gấp ngàn hồi Pháp thuộc chúng cháu cũng cố chịu.

Người đàn bà nghẹn ngào khi bắt đầu vào đến đoạn thương tâm:

- “ Nhưng về sau có hai điều làm chúng cháu cay đắng, nhục nhằn quá. Là hồi tháng Một năm ngoái, chúng cháu mới gặt xong tay, là đảng gọi họp, bảo chúng cháu đấu ruộng, đấu trâu vào, làm chung. Bố thằng cháu có ý kiến xin cứ để cho ai làm của nấy (vì chả nói ông cũng biết, chúng cháu cấy ít mới làm tốt được, tám sào ruộng nhà cháu là khóm lúa cứ như khóm lúa nếp cả ấy ông ạ) nhưng anh cán bộ giận dữ, buộc là bố cháu phản động, bảo vệ tư hữu (khốn nạn, chúng cháu có mấy sào ruộng quèn thì tư hữu, tư hiếc gì!). Bố cháu có nói muốn làm lấy tốt để cho mấy đứa cháu mỗi đứa một tí, gọi là thơm thảo của cha của mẹ chúng nó, thì anh cán bộ bảo cháu cụ Hồ đã có đảng, có Bác.

- “Sau rồi nghe chừng bố cháu buồn bực lắm, mà những nhân dân (!) khác cũng thế, anh cán bộ mới bảo nhân dân về thảo luận với các con, cháu xim chúng nó có bằng lòng lấy ruộng gia tài không. Bố cháu bằng lòng ngay, những tưởng các cháu nó dại, bảo chia ruộng cho chúng nó thì chúng nó mừng. Nào ngờ bố cháu vừa hỏi chưa dứt câu, cái thằng Nhớn nhà cháu này- người đàn bà chỉ đứa nhỏ, chừng tám tuổi, mắt ráo hoảnh, mặt câng câng- nó đã bảo ngay “ bố bẩn thỉu, ù lì, ngoan cố”. Bố cháu giận quá, có đánh nó mấy cái khẽ, thế mà nó lu loa lên rằng áp bức nó, cấm đoán nó, không cho nó làm cháu cụ Hồ. Nó lại còn đi báo cáo cho ban xã cảnh cáo bố cháu, là chúng cháu có đẻ nhưng chính đảng với Bác nuôi, nên từ nay phải hòa bình (!) với nó. Thế là bố cháu đợi đến đêm hôm ấy thắp hương van với ông bà ông vải, rồi cuối canh Ba cuốn gói đi ngay”.

Người đàn bà nói đến đây liếc nhìn thằng Nhớn. Mặt nó trân tráo, đáng ghét quá. Tôi khẽ hỏi, thì bà cho biết vợ chồng phải lừa nó ngủ, lấy giẻ nhét vào miệng rồi trói nó lại mà xé rào, vừa cõng em nó, vừa khiêng nó đi trốn (vì thế không đem theo được tí đồ đạc nào hết). Tôi ngạc nhiên, sao vợ chồng bà không để nó lại:- “Cái đồ bất hiếu bất mục ấy, đem nó đi làm gì?”. Nhưng bà ta đã trả lời ngay tôi rằng “ nước mắt bao giờ cũng chảy xuôi”, rằng “cháu nó dại, nghe người ta dụ dỗ, rồi bố cháu sẽ khuyên can cháu”

Lời nói đi thẳng vào đáy lòng khiến cho tôi cảm động. Bao lâu nay quen dùng kỹ thuật để diễn tả tâm tình tế nhị, thiết tha, nhưng rối ren, giăng mắc, tôi ngạc nhiên thấy cả một bầu trời cao rộng và xanh trong của tình yêu hồn nhiên, giản dị.

Tôi thành thực hổ thẹn, phải nhận rằng bao nhiêu học hành, bao nhiêu từng trải , chỉ làm cho tâm hồn tôi càng ngày càng thêm suy yếu. Tâm hồn tôi đâu còn có khả năng thương yêu một cách trọn vẹn đến thế? Và lòng tin trong tôi không đủ, khiến cho đối trước tương lai, tôi phải đặt ra bao nhiêu câu hỏi không thể trả lời. Tôi thật không bằng người đàn bà chẳng bao giờ nghĩ rằng con cái có bổn phận phải yêu thương và hy sinh ngược lên cho cha mẹ. Tôi học ở trường "hoài nghi" của tinh thần Pháp, hôm nay thật sung sướng vô ngần khi nhận thấy trên đời quả nhiên có những tấm tình "yêu không đòi yêu lại".

Tôi lại còn được những bài học khác. Bài học về sự khiếp nhược của chúng ta trên đường đời. Chúng ta nhìn về tương lai, tính đếm lợi hại, không lúc nào không cần đến sự giúp đỡ bên ngoài: Nào là sự bảo trợ của một chính quyền dân chủ, nào là quyền tự do cá nhân, nào là cơ sở kinh tế bắt đầu xây dựng. Cuộc sống của chúng ta là một chuỗi dài những điều kiện. Chúng ta quá nhiều tự ti mặc cảm, so sánh với gia đình nông dân kia, đi chỉ đem theo được có hai thứ vốn liếng: Một là lòng tin ở mình và ở đồng bào mình, rằng đi bất cứ đến đâu cũng có những người tốt; hai là lòng tin ở trời, "trời sinh voi, trời sinh cỏ", tin ở trời mà thật ra là chắc bằng vào sức khỏe với đức tính cần cù, kiên nhẫn và chịu đựng của mình.

Sự thật hết sức rõ rệt, là nếu chúng ta ở vào địa vị họ, trong một ngàn người chưa dễ có một người đã dám đi tay không như họ. Tôi đã nói: Vì đời sống của chúng ta phụ thuộc nhiều quá vào những loại vật chất phù phiếm mà chúng ta tưởng rằng không có không được. Có lẽ chính vì thế mà chúng ta không tìm thấy Lẽ Sống. Lẽ Sống hình như phải là định nghĩa của những hoạt động nhất định thiết yếu của con người, là lao động, tin yêu, và sáng tạo. Lao dộng để bảo vệ lấy bản thân mình, có bảo vệ được bản thân mình chắc mạnh mới có tin yêu vạn vật quanh mình, có tin yêu vạn vật quanh

mình thì sự sáng tạo, để truyền tiếp nòi giống, truyền tiếp những vẻ đẹp của Vũ trụ và loài Người, lúc đó mới thật có nghĩa lý.

Thân ái Trung,

Tôi nhiều lần len lỏi giữa đám đông những người nông dân ra đi để tìm hiểu họ hơn nữa. Trên bãi xi măng các phi trường Bạch Mai, Gia Lâm, có những tốp người quần nâu áo vá chen nhau tránh nắng dưới bóng những chiếc Dakota hay Nord-Atlas hai thân. Sự hạnh ngộ không thiếu ý nghĩa sâu sắc, đối với ai kia mới ngày này tháng trước, thoáng nghe tiếng máy bay ầm ì đã mau mau xuống hầm, xuống hố, àm bây giờ sắp trèo vào bụng của chính những con chim dữ tợn ấy, để ngồi vào đúng những chỗ đặt bom, mắc đạn, làm một chuyến đi suốt đời không bao giờ mơ tưởng.

Sự hạnh ngộ này, tôi hoảng nhiên thức tỉnh, là cả một cuộc đảo lộn của lịch sử. Có viên sĩ quan phi công Pháp quặt tay ra sau lưng để làm thang cho một em nhỏ trèo lên vai, rồi truyền sang ngồi thu lu trên bánh xe kép của chiếc Nord-Atlas. Lớn, bé, với tất cả số đồng bào ngồi quanh đấy, cùng nhau vui cười hỉ hả. Cuộc đảo lộn thật rõ rệt: Giai đoạn thực dân đã hết, giai đoạn sau đã bắt đầu bằng những chuyến đi tập trung vào miền Nam của những người chống Cộng.

Tôi viết " giai đoạn sau… chống Cộng", viết xong mới ý thức được rằng, từ trước đến nay, chúng ta quả thực chưa từng có một mặt trận và một giai đoạn chống Cộng. Không kể mặt trận trò hề Tâm, Hữu, những con người yêu tự do, những con người tiểu tư sản đã có lần nào họp được nhau thành tập thể có trách nhiệm hẳn hoi trước lịch sử?

- Chưa có, nhưng sẽ có, vì phải có. Vì Nam Việt là cứ điểm cuối cùng của chúng ta, nếu chúng ta không muốn có ngày biến thành đồ vật. Vả lại, chính Cộng Sản đã dồn vào Nam-Việt hàng trăm ngàn đồng bào từ này phải bấu víu lấy nhau để sống. Cộng Sản, khi thắng Pháp bằng chiến tranh, không ngờ đã hoàn bị cho người tiểu tư sản một đoàn quân cảm tử. Một đoàn quân, từ nay là cái nhân mãnh liệt trong cái quả dân

tộc. Một cái nhân, vốn là cái quả của kháng chiến…. Nếu chúng duy tâm, sẽ cố nhiên cho rằng Đạo Trời huyền bí, yếu mà được, mạnh mà thua là như thế.

Nhưng chưa chắc chúng ta đã duy tâm, cũng như chưa hẳn chúng ta đã duy vật (bôn-sơ-vích). Chúng ta hay biết cứ nhận chân một sự kiện cụ thể, nó chứng minh rằng sau ba, bốn năm phân ly kẻ bị mê hoặc, kẻ bị đàn áp tàn nhẫn, thì bây giờ đồng bào nông thôn, nền móng của xã hội ta, đã lại trở về với trí thức.

Tôi muốn thú nhận với Trung rằng, ngay lúc này, trong tâm hồn tôi tràn đầy một viễn tượng tương lai rực rỡ. Những người bạn trẻ của tôi đã rời khỏi Hà Nội, người đi Pháp, đi Mỹ, người vào Nam, mỗi người nắm trong tay một kế hoạch cho những ngày sắp tới.

Họ đến thăm tôi để từ biệt, không ai quên nháy một mắt và hất đầu một cái không đâu, để tỏ vẻ đồng tình một cách khoái trá. Riêng tôi còn ở lại, hàng ngày đi tiễn những người lên máy bay không quen biết, nhưng cũng từng đêm ra ngồi trên bờ Hồ Gươm, lắng nghe tiếng im lặng của cảnh vật, của ánh đèn tan trên mặt nước, và của cả bóng đen u uẩn dãi quanh Hồ.

Lòng hỏi lòng, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi dọc theo lối mòn kháng chiến quanh co, nay ra đến con đường mới vừa thẳng vừa rộng, thốt nhiên đâm sợ. Sợ, nhưng cũng có mừng: Đàn ngựa trẻ đang phóng lên nước kiệu … Tôi linh cảm Việt Cộng lại đương nhầm, nhầm ở chỗ đáng giá anh em ta quá thấp.

Tôi chấm hết thư ở đây, bằng một điểm hy vọng. Đừng trách nhau chủ quan. Hai mươi nhăm triệu cái chủ quan sẽ làm nên lịch sử, nghe đâu tôi đã viết thế cho Trung, trong bức thư thứ nhất, để bênh vực một ý muốn lạ đời: ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ.

Hải Phòng,
Ngày 1 tháng 8, năm 1954, viết hết.